

SỐ 1788

KIM QUANG MINH TỐI THẮNG VƯƠNG KINH SỞ

*Tam Tạng, Pháp sư Nghĩa Tịnh đời Đường vâng chiếu dịch.
Sa-môn dịch kinh Tuệ Chiếu soạn.*

QUYỂN 1

*Các Đức Phật đầy đủ ba đức
Chánh điều ngự của chúng sinh
Diễn bày chân giáo chứng đạt
Cùng các pháp môn sâu mầu.
Học theo các thánh hiền tăng
Quy y thanh tịnh kính tin
Nay con khen ngợi kinh này
Hoằng pháp lợi ích tự tha.
Hồi hướng đại đạo Bồ-đề
Cùng chúng bước lên Diệu giác
Ba nghiệp kính thành lễ lạy Cúi
mong các Phật che chở.*

Giải thích kinh này trước hết chia ra năm phần:

1. Nói về Nhân sinh khởi của kinh.
2. Nói về Tông Thể của kinh.
3. Nói về lợi ích đương thời của kinh.
4. Nói về lý do đặt tên kinh.
5. Giải thích theo khoa mục.

Thứ nhất là Nhân sinh khởi: của kinh, lại có hai:

1. Nhân sinh khởi thông thường.
2. Nhân sinh khởi riêng biệt.

Thông là chung cho các kinh, riêng là chỉ hạn cuộc ở kinh này.

Đầu tiên là nhân chung: Tất cả Như lai lia các phân biệt, tâm chứng nhập biến định, trí bình đẳng như như, chúng sinh và ngã đều mất, hình và tiếng cùng vắng lặng, nhưng nhân tu tức nguyện nhập vận cơ duyên, như hình ảnh hiện trong gương tròn, như tiếng phát ra hang trống trong. Cho nên có ứng hóa tùy tích, chấn động tùy loại âm, giáo tuy muôn vàn khác nhau nhưng duyên phát khởi chỉ có hai:

1. Lưu xuất từ đại bi của Như lai.
2. Cảm ứng từ tánh dục của hữu tình.

Nhưng trong các giáo tùy cơ nêu ra không cố định, như kinh Vô Lượng Nghĩa chỉ nêu ra sự cảm ứng từ tánh dục của chúng sinh, cho nên kinh đó nói: “Pháp vô lượng là do chúng sinh có tánh dục vô lượng, pháp do giáo đó nói cũng lại vô lượng”.

Kinh Pháp Hoa quyển một chép: “Nay Ta cũng giống như vậy, biết các chúng sinh có các thứ dục bám sâu trong tâm, tùy theo bản tánh của họ mà dùng các nhân duyên, thí dụ, ngôn từ, năng lực phương tiện mà nói pháp cho họ nghe”.

Phẩm Mộng Kiến Sám Hối trong kinh này chép: “Trú thọ không thể suy nghĩ bàn luận số kiếp, tùy theo căn cơ nói pháp lợi ích chúng sinh”.

Trong Nhiếp luận của ngài Thiên Thân chép: “Y theo Bi mà nói đại bi lưu xuất mười hai bộ kinh, Nhiếp luận của ngài Vô Tánh thì y theo căn cơ chủng tánh mà nói rằng từ năng lực gốc lành thức tâm khởi lên”.

Nhị Thập Duy Thức hợp lại nói chung, bài tụng nói về Nhân sinh khởi chép: “Năng lực xoay vần tăng thượng, hai thức thành quyết định”.

Giải thích rằng: Vì các thức nối tiếp còn lại khác nhau nên khiến cho các thức nối tiếp khác nhau sinh. Ở đây nói nối tiếp là thân, khác nhau là giáo; ý này từ Phật thân thức hiện ra danh cú nghĩa, khiến cho thức của người nghe phát sinh danh cú nghĩa, đó là nhờ căn cơ chúng sinh thành thực là năng cảm, Như lai đại bi là năng ứng. Phần nhiều y cứ theo đại bi, cho nên lợi tha lại có hai duyên:

1. Pháp tồn tại lâu dài.
2. Lợi ích hữu tình.

Kinh Pháp Hoa quyển một chép: “Các thứ nhân duyên dùng vô

lượng thí dụ soi sáng Phật pháp khai ngộ chúng sinh”. Soi sáng Phật pháp là khiến cho pháp tồn tại lâu dài, thuộc về đại trí. Khai ngộ chúng sinh là lợi ích cho chúng sinh, thuộc về đại bi.

Kinh này cũng vậy, phẩm Sám Hối nói: “Trú mạng không thể suy nghĩ bàn luận số kiếp tùy theo căn cơ nói pháp lợi ích chúng sinh, thuộc về đại bi”.

Như phẩm Phú Chúc chép: “Các thầy, vị nào có thể phát tâm giữ gìn, giảng nói truyền bá rộng rãi, có thể khiến cho chánh pháp tồn tại lâu dài ở thế gian, thuộc về đại trí.

Có chỗ cho rằng, làm cho pháp tồn tại lâu dài lợi ích cho chúng sinh thuộc về đại bi. Có chỗ khác cho rằng, lợi ích chúng sinh khiến cho pháp tồn tại lâu dài thuộc về đại trí. Cũng khiến cho người nghe tu tập hai lợi ích, khiến cho pháp tồn tại lâu dài nên tu tự lợi, vì lợi ích chúng sinh nên tu lợi tha”.

Luận Du-già quyển tám mươi hai chép: “Nếu có năm phần nói pháp như năm phần vui như vậy thì sẽ khiến cho tự tha phát sinh vui mừng vô cùng, lại có thể dẫn phát lợi ích của tự tha”. Giải thích năm phần này đầy đủ rõ ràng như trong Nhân Vương Bát-nhã Sớ. Lại có ba duyên:

1. Làm cho sinh dục lạc.
2. Khiến cho tu hành.
3. Khiến cho dứt chướng.

Tức là nói rằng: Pháp mà chúng sinh muốn nghe không ngoài ba thứ:

1. Nguyện cầu quả cao siêu, đồng thời lợi ích chúng sinh.
2. Các hạnh được Tu tập.
3. Các chướng được dứt trừ.

Như Thiện Hiện Sở Vấn trong kinh Bát-nhã chép: “Có nhiều người phát tâm thú hưởng Bồ-tát thừa, làm sao an trú?”. Biết rằng phát tâm thú những thừa khác cũng có ba thứ, trong Nhân Thiên thừa tuy không dứt hạt giống, cũng có khả năng chế phục các chướng trong ba đường ác được sinh lên cõi trời, cõi người, vì vậy đều có ba thứ, đây là do cơ cảm.

Lại có bốn duyên:

1. Người chưa lìa khổ muốn làm cho lìa khổ, người chưa được yên vui muốn làm cho được yên vui, người chưa thể phát tâm dứt ác làm lành muốn làm cho dứt ác làm lành, người chưa thành Phật nguyện sớm thành Phật.

Đây là do bi nguyện. Cho nên kinh Pháp Hoa quyển ba chép: “Người chưa độ khiến cho độ. Độ nghĩa là lừa khổ. Người chưa hiểu làm cho được hiểu. Hiểu nghĩa là dứt ác làm lành. Người chưa an làm cho an, an nghĩa là giúp cho được yên vui. Người chưa Niết-bàn làm cho họ đạt đến Niết-bàn, nghĩa là chưa thành Phật nguyện thành Phật. Tức là như thứ lớp nường vào bốn thế nguyện rộng lớn lần lượt hóa độ chúng sinh”.

Kinh Pháp Hoa quyển ba chép: “Chúng sinh thường khổ não tam tối, không có người dẫn đường, không biết con đường hết khổ, không biết mong cầu giải thoát”, cho đến nói: “Nay Phật đạt đến con đường vô lậu an ổn tối thượng, chúng ta và trời người được lợi ích rất lớn”. Ý ở đây thường khổ não là khổ đế, tam tối không người dẫn đường là tập đế, không biết con đường hết khổ là đạo đế, không biết mong cầu giải thoát là diệt đế. Rõ ràng trước đây không hiểu, nay Phật ra đời chỉ bày thức tỉnh khiến cho hiểu rõ, khiến cho biết Khổ, dứt tập, Chứng diệt, Tu đạo.

Lại có năm duyên, như kinh Tư Ích quyển hai chép: “Nếu người thông suốt thuận theo văn tự ngôn thuyết chương cú Như lai đã nói”, cho đến nói: “Có thể biết Như lai vì sao nói pháp, vì sao nói tùy nghi, vì sao nói phương tiện, vì sao nói pháp môn, vì sao nói đại bi? Phạm thiên hay Bồ-tát có thể biết Như lai dùng năm năng Lực này mà nói, thì Bồ-tát đó có thể thực hiện Phật sự”.

Vì sao nói pháp? Tức là nói về pháp thể.

Thế nào là tùy nghi? Tức là tùy theo cơ nghi để ứng hiện.

Thế nào là phương tiện? Tức là nêu rõ giáo pháp lợi ích vui mừng, ở nơi không có danh ngôn mà phương tiện khéo léo nói các pháp.

Thế nào là pháp môn? Nghĩa là nói rõ các môn đối với một pháp.

Thế nào là Đại bi? Nghĩa là ba mươi hai thứ đại bi.

Như nói các pháp vô ngã, mà các chúng sinh không thể tin hiểu, do đó Như lai khởi đại bi nói làm cho tin hiểu. Rộng như trong ấy nói. Bốn thứ đầu tức là đại trí, thứ năm tức là đại bi. Lại bốn thứ đầu là sở khởi, thứ năm là năng khởi. Ở đây chúng sinh là năng cảm, Như lai là năng ứng. Vì tuy là ngu mê không tin không hiểu, nhưng có gốc lành chiêu cảm Phật nói cho nghe.

Tùy theo pháp mà trong kinh này nói, mà chúng sinh không thể tin hiểu thì Phật phát khởi đại bi mà giảng nói cho chúng sinh nghe. Nếu không thể hiểu rõ tuổi thọ của Như lai, Như lai thương xót nên vì chúng

sinh nói rõ, y theo đó mà biết tâm đại bi của Như lai như thế nào. Ba phần trước thuộc về quán văn phân biệt, sợ rườm rà nên không nêu ra. Lại có sáu duyên, như luận Bát-nhã của Vô Trước chép: “Vì sao thượng tọa Tu-bồ-đề hỏi?”

Giải thích có sáu nhân: vì dứt nghi, vì sinh lòng tín, vì nhập vào pháp sâu xa, vì không lui sụt, vì sinh vui mừng, vì chánh pháp tồn tại lâu dài. Cho nên Thế tôn trả lời cũng là sáu điều đó”. Luận ấy giải thích ý rằng: Nếu có người nghi thì được dứt nghi, nếu đã dứt nghi thì có vui mừng phước đức, nhưng tâm chưa thành tựu.

Các vị Bồ-tát nghe nhiều phước đức, đối với kinh Bát-nhã sanh tâm tin hiểu. Người đã thành tựu tâm thì nhập vào nghĩa sâu xa. Người đã có thể không tự khinh thường mình, do ham thọ trì tu hành nên có nhiều công đức không còn lui sụt. Người đã thuận theo thâm nhiếp và tâm thanh tịnh thì đối với pháp tự đi vào, và chúng sinh trông thấy sinh vui mừng, có thể khiến cho giáo pháp Đại thừa trong tương lai được tồn tại lâu dài. Ý này tức là đối với người an trụ trong tu trì hàng phục có những nghi ngờ xin nói để dứt nghi. Tuy được dứt nghi tâm vui vẻ phước đức nhưng căn cơ chưa thành thực.

Nghĩa là đối với người trì tụng kinh này không có nhiều công đức, nên nói so với trì kinh phước nhiều giúp sinh tin hiểu. Người đã sinh tin hiểu thành tựu tâm ấy, thì có thể đi vào hiểu rõ nghĩa sâu xa. Đã nhập sâu vào nghĩa thì biết tự mình sẽ có khả năng tu hành đắc quả, không tự khinh thường, ưa thích nhiều công đức thọ trì, tu hành không còn lui sụt. Đã chắc chắn không còn lui sụt, đến quyết định chọn lựa giai vị dần dần đi đến thấy đạo, gọi là thuận theo thâm nhiếp và tịnh tâm, cho nên đối với pháp tự ngộ và thấy người khác đi vào sinh khởi vui mừng, từ đó có thể khiến cho pháp tồn tại lâu dài bất diệt.

Nay kinh này cũng có sáu nghĩa, như trong phẩm Như lai Tuổi thọ, Bồ-tát Diệu Tràng nói: “Cũng lại suy nghĩ, Thích-ca Như lai có vô lượng công đức, chỉ sinh tâm nghi ngờ đối với tuổi thọ vì sao ngắn ngủi chỉ có tám mươi năm?” Bốn Đức Phật nói cho nghe; tức là người có nghi thì khiến được dứt nghi. Lại như văn dưới chép: “Trong trăm ngàn đại kiếp tu hành sáu độ mà không phương tiện, không bằng phước đức do nghe kinh này sinh ra”.

Còn trong phẩm Vô Đấm nhiễm Đà-la-ni chép: “Nếu như A-tăng-xí-da Tam thiên Đại thiên thế giới, trong đó đầy khắp bảy báu dâng cúng các Đức Phật, và đem các loại y phục, thức ăn ngon quý nhất cúng dường trải qua vô số kiếp; nếu lại có người, đối với Đà-la-ni này dù cho

chỉ thọ trì một câu, phước sinh ra từ đó gấp nhiều lần so với phước kia”. Ý này tức là hạn cuộc tâm ưa thích phước đức nhưng căn cơ chưa thành thực, nghĩa là trì kinh này không có nhiều công đức, nên nói so sánh tâm trì kinh phước nhiều, khiến sinh tin hiểu thọ trì đọc tụng.

Như phẩm Không Tánh nói: “Lúc các đại chúng nghe Đức Phật nói tánh không sâu xa này có vô lượng chúng sinh đều tin hiểu rõ thông suốt tánh của bốn đại, năm uẩn đều không, sáu căn, sáu cảnh vọng sinh trôi buộc v.v...” liền có thể đi sâu vào hiểu rõ nghĩa sâu xa.

Phẩm Y Không Mãn Nguyệt nói: “Có ba ngàn ức Bồ-tát đối với A-nậu Bồ-đề được không lui sụt”, tức là đã nhập sâu vào pháp, biết tự mình có khả năng tu hành đắc quả không tự xem thường, ưa thích nhiều công đức thọ trì không lui sụt.

Phẩm Không Tánh chép: “Nguyệt xả bỏ luân hồi chánh tu xuất ly, thâm tâm vui mừng đúng như pháp vâng giữ thọ trì”, tức gọi là đã được thuận theo thâm nhiếp, đối với gốc lành, làm sao biết được? Đã nói rằng: “Nguyệt xả bỏ luân hồi”, nhưng biết chưa đăng địa. Lại nói “Chánh tu xuất ly thâm tâm vui mừng”; tức là cầu an trụ trong duy thức chân thẳng nghĩa tánh, gọi là chánh tu xuất ly, vì thường ưa thích chăm chỉ nên tâm hết sức mừng vui.

Phẩm Tịnh Địa Đà-la-ni chép: “Lúc nói pháp này có ba muôn ức Bồ-tát Ma-ha-tát đạt được Vô sinh pháp nhẫn”. Phẩm Y Không Mãn Nguyệt chép: “Vô số vị vua chúa, thần dân xa lìa trần cấu, đạt được pháp nhẫn thanh tịnh”, đây là nhập vào tịnh địa, từ đó tự vui mừng thấy nhập vào cũng vui mừng, cho nên cũng có thể khiến cho chánh pháp tồn tại lâu dài. Như các phẩm nguyệt lưu thông ở dưới, đều thuộc về ý này, từ đây cũng thành tựu nghĩa Xoay bánh xe pháp. Vì sao? Vì tự mình đã nghe pháp dứt nghi được hội nhập, cho đến đạt được Thánh vị, thành tựu sơ chuyển, thấy người được hội nhập tâm sinh vui mừng, lại giúp cho chánh pháp tồn tại lâu dài, truyền bá rộng khắp, tức là giúp cho người dứt nghi nhập vào pháp, cho đến đạt được Thánh vị, cho nên được gọi là Xoay bánh xe pháp.

Lại nói theo tám nghĩa, nghĩa là muốn nói Đại pháp v.v... thì nghĩa phải y cứ theo sự dẫn giải, sơ lược dựa vào một văn từ, ngoài ra phải y theo đó mà biết. Trên đây là Nhân khởi chung. Về nhân khởi riêng: theo luận Trí Độ giải thích nhân sinh khởi của kinh, tùy theo các pháp đã nói trong kinh này tức là nhân sinh khởi, như nói về tuổi thọ, ba thân, khác nhau, sám hối, tịnh địa, tất cả các pháp đều là biệt nhân sinh khởi. Nhưng Phật nói pháp bao trùm văn nghĩa, trong một

văn nghĩa đều hiện rõ vô lượng. Ở đây tạm thời trình bày sơ lược có sáu nghĩa:

1. Nói về quả Bồ-đề, Niết-bàn vô lậu.
2. Nói về nhân bất thiện phải dứt bỏ.
3. Giúp cho thoát khỏi báo ứng bất thiện.
4. Dạy cho tu tập nhân Bồ-đề, Niết-bàn vô lậu.
5. Dạy tu tập nhân thiện hữu lậu.
6. Giúp cho đạt được sự vui sướng ở cõi trời, cõi người.

Quả cao quý vô lậu thế gian và xuất thế gian. Các Đức Phật xuất hiện ra đời vì việc lớn ấy. Cho nên trước phải nói, giúp cho vui mừng. Kế đến muốn giúp cho người cầu học giáo pháp sám hối, dứt bỏ nhân bất thiện. Nhân bất thiện không còn thì quả bất thiện sẽ không có, nếu không như thế thì không thể nào cầu quả vô thượng.

Đã sám hối dứt bỏ nhân quả bất thiện thì kế phải tu tập nhân quả vô lậu. Nhưng trong nhân này có chánh duyên, hạnh hữu lậu trợ duyên cho vô lậu, vì là chánh nhân của hữu lậu. Tiếp đến nghĩa thứ năm nói về nhân hữu lậu, bởi vì nhân hữu lậu đạt được báo quả vui sướng ở cõi trời, cõi người. Tiếp theo thứ sáu nói về quả hữu lậu.

Lại, chủng tánh hữu tình khác nhau, vì có tánh Đại thừa nói ở hai môn trước, vì quyết định Tiểu thừa và vô chủng tánh nói ở hai môn sau.

Lại người tu lâu có thể đạt được hai môn trước, người bắt đầu tu thì đạt được hai môn sau. Nhân quả bất thiện hợp chung thành hai minh, vì tánh hữu lậu và tu lâu mau đều có khả năng thực hành.

Lại nữa, với nhân bất thiện nếu trước không sám hối thì không thể phát tâm thuận theo Vô thượng giác. Chỗ này lại sơ lược nương theo sáu phần trong kinh Đà-la-ni để nói về nhân sinh khởi.

Phẩm Thọ lượng Tam Thân nói về quả vô lậu. Phẩm Sám Hối Diệt Chướng nói về dứt trừ tất cả nhân quả bất thiện. Từ phẩm Tịnh Địa về sau nói về nhân vô lậu. Phẩm Tứ Thiên Vương Quán Sát về sau, đều nói về nhân quả hữu lậu và vô lậu đạt đến Vô sinh nhẫn, xa lìa bụi nhơ, được Pháp nhãn thanh tịnh v.v... là nhân quả vô lậu, hướng về phía trước là quả, dựa vào phía sau là nhân, trì chú cầu phước đạt được tài vật thức ăn, những loại này cũng là nhân quả hữu lậu, văn trích dẫn rất dễ hiểu.

Thứ đến là nói về Tông Thể của kinh:

1. Nêu tông của kinh.
2. Nêu thể của kinh.

Nói tông của kinh: Truyện Chân-đế giải thích rằng: “Kinh này nói ba thân vốn có, hiển bày bốn đức vô sinh, khai quả quả quên duyên, giải như như chân thật”. Lại có, chỗ nói rằng: “Nhân quả Bồ-đề, Niết-bàn là Tông của kinh này”. Suy xét thông suốt hai quả bốn và thí hiển bày đầy đủ nhân duyên và chánh nhân, cả hai đều có lỗi.

Ban đầu nói ba thân vốn có, dựa vào nhân có thể như thế, nói quả thì chẳng phải. Vì sao? Vì lẽ nào Báo thân, Hóa thân chưa tu đã đạt được, như ở nhân vị gọi là Như lai tạng, chẳng thể gọi là Pháp thân. Bốn đức vô sinh là nói theo Pháp thân, lý tức là chánh nói theo báo, hóa thì chẳng phải định, vô sinh.

Như kinh Niết-bàn chép: “Như lai có tám thứ Ngã tự tại”. Nói theo biến kế thì lý cũng không trái. Có thuyết nói nhiều về hai quả bốn và thí để nói về nhân duyên và chánh nhân, lý cũng có lỗi. Vì sao? Vì chân như tuy là vốn có nhưng ở nhân không thể nào gọi là quả, báo và hóa chắc chắn phải nhờ sự tu tập mà thành, đâu gọi là hai quả bốn và thí.

Lại tuy có duyên nhân và chánh nhân nhưng các thuyết xưa phần nhiều lấy chân như làm chánh nhân của ba thân, chỗ này không hợp lý, như trong luận Năng Hiển Trung Biên Tuệ Nhật có nói rộng. Ở đây phân tích về Tông kinh, đại khái có hai giải thích.

Một nói rằng: Chỉ lấy nhân quả Bồ-đề làm chánh tông của kinh. Vì sao? Vì chỉ nói đến tuổi thọ và ba thân khác nhau. Còn trong quyển bốn của kinh này chỉ hỏi về nhân của tâm Bồ-đề, Đức Phật trả lời chỉ nói về hạnh của mười độ.

Còn trong phẩm Phú Chúc chép: “Các thầy nên biết, trong vô lượng vô số đại kiếp ta siêng năng tu tập khổ hạnh, đạt được pháp sâu xa. Chánh nhân Bồ-đề đã nói cho các thầy nghe, vì thế biết rằng chỉ lấy nhân quả Bồ-đề làm chánh tông của kinh”.

Thuyết khác nói rằng: Cũng lấy nhân quả Niết-bàn làm tông. Trong phẩm Thọ lượng dùng ba lần “Lại nữa” đều có mười nghĩa, cho nên nói là Niết-bàn; đồng thời phân tích về mười thứ hạnh mà Như lai đã nói: “Này người thiện nam nên biết như thế! Như lai Ứng Chánh Đẳng Giác nói có vô biên chánh hạnh như thế; các thầy nên biết! Đó gọi là tướng chân như Niết-bàn”.

Còn trong phẩm Thập Phương Bồ-tát Tán Thán chép: “Thường giảng nói Đệ-nhất-nghĩa cho nghe giúp chứng đạt Niết-bàn chân như vắng lặng. Phật nói pháp cam lộ cao quý có thể cùng nghĩa với cam lộ mầu nhiệm, dẫn dắt đi vào thành cam lộ Niết-bàn, giúp cho hưởng được

niềm vui cam lộ vô vi”.

Hỏi: Nếu Niết-bàn cũng là tông kinh thì vì sao sau phẩm Thọ lượng lại nêu rõ ba thân, phẩm Tối Tịnh Địa trở xuống nói về nhân Bồ-đề, và phẩm Phú Chúc Đức Thế tôn tự nói về nhân quả Bồ-đề, sao không nói lại nhân quả Niết-bàn?

Đáp: Vì hai nhân không khác cho nên kết hợp lại mà nói, chỉ hướng về nhân quả đó mà chia ra nảy sinh. Nhân-thể đã đồng, cho nên không nói khác. Quả không nói lại, bởi vì thể Pháp thân tức là Niết-bàn. Trong phẩm Thọ lượng chép: “Thể pháp thân của Như lai là chân thật gọi là Niết-bàn”. Lại nói: “Không tánh tức là Pháp thân chân thật nên gọi là Niết-bàn”.

Hỏi: Nếu như vậy thì pháp thân tức là Niết-bàn, hai nghĩa khác nhau chỗ nào?

Đáp: Nói về Pháp thân là y theo công đức nương theo nghĩa biên, nói Niết-bàn là chọn lấy nghĩa dứt hẳn các khổ, vì vậy hai nghĩa có khác nhau. Đồng thời tương tự như nhau cho nên không nhắc lại, mặc tình lấy bỏ, nhưng cùng giữ lấy chỗ cao siêu. Vì sao? Vì nói tuổi thọ ba thân tức là lấy Bồ-đề làm tông, đã nói Niết-bàn, vì sao không lấy Niết-bàn làm tông?

Có chỉ nói trong kinh chỉ nói đạt được chánh nhân Bồ-đề của pháp sâu xa mà không nói về chánh nhân Niết-bàn, do đó biết rằng chỉ lấy Bồ-đề làm tông kinh. Nếu vậy thì Niết-bàn là nhân Bồ-đề, phải tu pháp nào khác để làm nhân Niết-bàn, cho nên nhân Bồ-đề cũng là nhân Niết-bàn. Còn quả Bồ-đề hướng về Niết-bàn cũng được gọi là nhân. Như luận Du-già quyển chín mươi lăm nói về việc xoay bánh xe pháp, có năm thứ tướng:

1. Được sở đắc, sở duyên.
2. Phương tiện của đắc sở đắc.

Phương tiện là tướng ba chuyển đều là phương tiện. Phương tiện tức là nhân, trước làm nhân cho sau, đã chuyển lần thứ ba cũng gọi là phương tiện. Biết rõ Bồ-đề mong chứng Niết-bàn cũng được gọi là nhân, cho nên không nói riêng.

Tiếp theo nói về Thể của kinh:

Trước là nêu ra giáo thể, kế là phân tích nhóm hợp, trong giáo thể đưa ra gồm năm môn:

1. Nhiếp tướng quy về tánh thể.
2. Nhiếp dư trở về thức thể.
3. Nhiếp giả trở về thật thể.

4. Tánh dụng luận riêng thể.

5. Nhiếp chung các pháp thể.

Trong năm môn này, đầu tiên nói về năm thể, kế đó nói về được, mất. Trước nói trong thể. Bốn môn trước như bản Pháp Uyển Tổng Liâu Giản Nghĩa Lâm có nói rộng.

- Nhiếp chung các pháp thể: Theo thực tế cũng là môn Tánh dụng luận riêng. Nay lại nói rộng ra, bởi vì chưa nói vậy. Du-già quyển tám mươi một chép: “Thể nào là Thể? Đó là Khế kinh, đại khái có hai loại: Một là văn. Hai là nghĩa. Văn là sở y, nghĩa là năng y. Hai loại như thế gọi chung cho tất cả cảnh giới sở tri”.

Lại nói: “Như thế đã kiến lập văn nghĩa thể của các kinh, được gọi là nhiếp chung các pháp thể”. Nói về văn nghĩa, luận rằng: “Văn có sáu loại:

1. Danh thân.
2. Cú thân.
3. Văn thân.
4. Ngữ.
5. Hành tướng.
6. Cơ thỉnh.”

Chánh văn trong đây chỉ có văn thân, ngoài danh văn thì danh cú theo sở y, ngữ theo năng y, hành tướng theo sở hiển và năng thuyết, cơ thỉnh y theo năng khởi, tướng theo danh văn.

Luận nói: “Sáu loại như vậy đều hiển bày nơi văn. Y theo nghĩa năng hiển, nên gọi là văn”, có mười nghĩa:

1. Nghĩa địa, như cửu định địa và thập địa v.v...
2. Nghĩa tướng, như thể tướng của các pháp.
3. Nghĩa tác ý, như các tác ý v.v...
4. Nghĩa y xứ, như sự y xứ, thời y xứ, sắc thủ thú y xứ.
5. Nghĩa quá hoạn, nghĩa là pháp đáng quở trách.
6. Nghĩa thắng lợi, nghĩa là pháp đáng khen.
7. Nghĩa sở tri, là pháp tạp nhiễm.
8. Nghĩa năng tri, là pháp thanh tịnh.
9. Nghĩa lược.
10. Nghĩa rộng.

Y theo sở thuyết và sở vi trong đây đều gọi là nghĩa. Cả mười nghĩa đều là sở thuyết. Bồ-đặc-già-la trong y xứ cũng là sở vi. Vì các hữu tình này nói các pháp cho nên lại chọn lấy sở thuyết. Sáu văn mười nghĩa đều là thể của kinh, có ba nghĩa:

1. Khắc tánh thể.
2. Sở y thể.
3. Sở vi thể.

Văn là năng thuyên, nghĩa là sở thuyên. Trong năng thuyên, thể hai pháp danh và cú là năng thuyên, tức là khắc tánh thể, hai pháp văn và ngữ là sở y thể, nên Thành Duy Thức chép: “Danh giải thích tự tánh, cú giải thích khác nhau”. Văn tức là chữ, là hai sở y; ngữ đó là tiếng, bởi vì dẫn dắt danh cú nên gọi là ngữ, cho nên trong Thành Duy Thức chép: “Ngữ không khác với năng thuyên”.

Từ năng y danh, năng thuyên thể, hành tướng có cả hai. Nghĩa là khắc tánh sở y, chỉ dựa theo sở thuyên và người năng thuyết để phân tích hành tướng, cho nên thể hành tướng chính là thanh danh văn cú, cho nên có cả hai. Cơ thỉnh danh văn là do văn làm ra, hoặc là thỉnh khởi văn cho nên nói là cơ thỉnh danh, văn là thể sở vi, trong thể sở thuyên thì Bồ-đặc-già-la là y xứ.

Thông là khắc tánh và sở vi, cũng là từ Bồ-đặc-già-la này nói về Bồ-đặc-già-la kia. Nói Bồ-đặc-già-la kia tức là sở thuyên, chín y xứ phần ít còn lại đều là khắc tánh sở thuyên. Ở đây nói nghĩa không chỉ là đạo lý, nhưng sở thuyên ấy cùng được gọi là nghĩa, cho nên thể nhiếp chung có ba nghĩa này. Nhưng ba khoa pháp tướng xuất ra thể tánh ấy, đều thuộc về môn tánh dụng luận riêng.

Phần thứ năm này chỉ y theo Đại thừa, ba khoa pháp tướng có cả ba thừa cho nên lược bớt không nói tất cả về phân tích được, mất ấy như trong Duy Thức Nghĩa Đăng có nói.

Kế là phân tích nhóm hợp, rộng như trong Pháp Uyển Tổng Chương Nghĩa Lâm và Duy Thức Nghĩa Đăng có nói rộng.

Thứ ba nói về lợi ích đương thời:

Lại chia làm hai phần:

1. Phần đầu nói về thời
2. Phần sau nói về lợi.

Trong Thời lại có hai:

Đầu tiên nói về thời gian Đức Thế Tôn bắt đầu nói kinh.

Phần sau nói về niên đại của đệ tử phiên dịch.

Trước tiên về thời gian Thế Tôn nói kinh lại chia làm hai:

1. Nói về thời gian khác nhau.
2. Nói giáo thuộc về thời.

- Nói về thời gian khác nhau:

Như Pháp Uyển Tổng Chương Nghĩa Lâm và Năng Đoạn Bát-nhã

Sớ cùng Tuệ Nhật Luận có nói rộng.

Phần trên nói về thời gian Thế tôn bắt đầu nói kinh.

Thứ hai nói về giáo thuộc về thời là thời thứ ba, vì sao biết điều đó? Vì văn sau cũng nói mười hai hành pháp luân. Lại trong phẩm Mãn Nguyên chép: “Tám ngàn ức Thiên tử, vua chúa quan dân lia hấn bụi trần, đạt được Pháp nhãn thanh tịnh”.

Theo luận Du-già thì đạt được quả Dự lưu, Vô gián đạo xa lia bụi, giải thoát đạo lia bỏ như, vì thế chung cho tất cả các thừa. Phần sau nói về niên đại của đệ tử phiên dịch: Kinh này nói về bí mật sâu xa của ba thân, nói về sự huyền diệu then chốt của bốn đức, là kiêu rông vượt qua nơi bờ kia, là xe voi đến nơi làng đẹp, cho nên liên tục dứt bỏ ba chướng, thực hành đầy đủ hai nhân, là thành trì vững chắc bảo vệ vua chúa, là thanh kiếm bén, áo giáp quý, hàng phục ma quân. Từ đó cõi nước mười phương đón nhận đấng đương lưu hành, cho nên ở Trung quốc đã năm lần phiên dịch.

Tam tạng Đàm-vô-sám bắt đầu truyền bá ở Bắc lương, Pháp sư Đa-xá thời Hậu Chu xem xét lại ở chùa Quy Thánh, Đại sư Chân-đế tiếp tục phiên dịch ở Kiến Nghiệp, Đại sư Xá-na lại phiên dịch vào đời Tùy. Tuy mỗi vị đều y theo bản tiếng Phạm, đồng thời hết lòng chuyên thành, nhưng vì lá bối truyền văn thường có sự sơ sót, khiến cho người dịch thêm bớt khác nhau. Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh đã ngộ rõ, nêu ra những dấu hiệu khác lạ đối với thời kỳ cứu giúp đàn kiến, phong cách soi sáng đỉnh đạc phát sinh nổi trội nơi bến bờ tiến vào đầy đủ, bốn vi ba tạng sáng hơn mặt trời buổi sớm, năm thiên bả lược rõ hơn mặt trăng về đêm, chí ôm ấp làm thuyền cứu độ, tình thiết tha tiếp nối hưng sùng, đem thân theo đạo quên hết nhọc nhằn nào có chối từ hao tổn máu xương, đến khắp nơi miền Tây hạ hơn hai mươi năm, cõi trời cung rồng khắp nơi đều tìm tới nghĩa lý sâu xa, tìm các bản tiếng Phạm khảo xét so sánh không bỏ sót, chống tích trượng quay về Đông độ vãng chiếu phiên dịch.

Năm Nhâm Dần, Niên hiệu Trường An năm thứ hai, được chép kinh này siêng năng không nghỉ. Đến năm ngày mừng bốn tháng mười Quý Mão niên hiệu Trường An thứ ba, sửa chữa xong thì viết thành mười quyển gồm ba mươi một phẩm, văn từ hoàn thiện nghĩa lý đầy đủ tinh hoa thực chất thấy đều trong đó, mới được kết châu cùng mở tháp báu, Phàm thánh vui mừng dâng thư tiến cử lên vua, tuyên bố dạy dỗ sâu rộng, sắc lệnh viết chép, trong đó thiếu từ đủ nghĩa đến phương minh. Đó chính là thời đại của đệ tử phiên dịch, hai thứ khác nhau đều

là phân biệt thời gian.

Thứ đến là nói về lợi: Lợi nghĩa là lợi ích. Kinh này làm lợi ích cho căn cơ chủng tánh nào, trong đó chia ra hai:

Đầu tiên là nói về căn cơ chủng tánh khác nhau, sau đó nói rõ những lợi ích của căn cơ chủng tánh. Phân tích về sự khác nhau:

Trong các giáo nói về cơ khác nhau tất cả đều có khác nhau, như kinh Niết-bàn chỉ nói một cơ, cho nên kinh đó nói: “Tất cả các loài có tâm đều sẽ thành Phật”. Kinh này một mà hiểu nhiều nên nghe có, bàn có ẩn kín, không nói đều sẽ thành Phật. Kinh Pháp Hoa cũng giống như vậy, cho nên nói: “Nếu có người nghe pháp thì không một ai không thành Phật v.v...”. Hoặc các kinh Thiệt Giới, luận Địa Trì nói có hai căn cơ:

1. Hữu tánh.
2. Vô tánh.

Vì thế kinh ấy chép: “Tánh chủng tánh từ vô thỉ đến nay xoay vần nối nhau, pháp như thế đạt được sáu nơi tốt đẹp, đó là có tánh”.

Lại nói: “Người không có chủng tánh, vì không có chủng tánh nên tuy phát tâm hành đạo Bồ-tát, nhưng không bao giờ đạt được Vô thượng Bồ-đề, đó là vô tánh”, giải thích rõ ràng. Hoặc kinh Pháp Hoa nói có ba căn cơ, phẩm Tựa nói: “Vì người cầu Thanh văn nên nói pháp Tứ Đế, vì người cầu Bích-chi-Phật nên nói pháp mười hai Nhân duyên, vì các Bồ-tát nên nói sáu độ Ba-la-mật”, cũng ngầm chứa vô tánh. Bởi vì hội này phần lớn đối với Bất định Thanh văn nên nói rằng đều thành Phật. Lại có nhiều loại, như Từ Ân Khu Yếu Kinh Pháp hoa số, và luận Tuệ Nhật, Năng Đoạn Bát-nhã số.

Nói về lợi ích của căn cơ chủng tánh ấy, đầu tiên nói về lợi ích của căn cơ, sau đó nói được một số lợi ích. Nói về lợi ích của căn cơ đại khái có hai cách giải thích:

Một nói rằng: chỉ đầy đủ căn tánh Đại thừa, có cả định và bất định tánh, vì có Thanh văn, cho nên không có định tánh Thanh văn phải chăng?

Đáp: Theo kinh Pháp Hoa và luận Đại Bảo Tích kinh thì: “Sở dĩ Thanh văn hỏi điều đó vì Thanh văn là người đã làm việc đó cho nên đầu tiên hỏi kinh này, chính là Bồ-tát Diệu Tràng, lại chỉ hỏi về tuổi thọ Như lai nói rộng ba thân cho nên biết. Nhưng là căn tánh Bồ-tát, nên sau này đạt được lợi ích gọi là xa lìa bụi nhơ v.v...” Theo Luận Đại Trang Nghiêm, được vào Sơ địa cũng nói là đặc pháp nhãn thanh tịnh, không chỉ có Thanh văn.

Chỗ khác nói rằng: Thời giáo thứ ba thì có cả năm thừa, đúng lúc các Thanh văn lại có xa lìa bụi nhơ, theo luận Du-già thì đạt được quả Dự Lưu, vẫn nói không nhất định cho nên có thể thông đầy đủ. Nhưng trong Chánh Tông chỉ vì Bồ-tát, phẩm Tứ Thiên Vương trở xuống có thể chung đủ những thứ khác, vì đều khiến cho đạt được quả trời người. Cách giải thích thứ hai hơn hẳn, có lẽ pháp luân thâm nhiếp ở thời thứ ba này. Tiếp đến nói được một số lợi ích lại chia làm hai:

Trước là nói rõ được lợi ích hiện tại.

Kế là nói được lợi ích về sau.

Lợi ích hiện tại là tự nhiên đạt được lợi ích, lợi ích về sau là đạt được sau khi Phật nói. Lợi ích hiện tại có hai thứ:

Một là được quả lợi ích.

Hai là được nhân lợi ích.

Quả có hai thứ:

- Một là quả xuất thế gian.

- Hai là quả thế gian.

Quả xuất thế có bảy thứ: Năm thứ là Đại thừa, hai thứ thuộc Tiểu thừa.

Phẩm Y Không Mãn Nguyên có đoạn chép: “Lúc bấy giờ, trong pháp hội có năm mươi ức vị Tỳ-kheo, thực hành hạnh Bồ-tát muốn lui sụt tâm Bồ-đề, liền được thọ ký. Các vị Tỳ-kheo trải qua ba mươi A-tăng-kỳ kiếp sẽ được thành Phật, kiếp tên là Nan thắng quang vương, nước tên là Vô cấu quang, cùng lúc thành Phật đều cùng một danh hiệu là Nguyên Trang Nghiêm Gian Sức Vương Như lai”.

- Phẩm Thọ Ký có bốn:

1. Thọ ký cho Bồ-tát Diệu Tràng rằng: “Ông ở nơi thế giới Kim Quang Minh sẽ thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, hiệu là Kim Bảo Sơn Vương Như lai”.

2. Thứ hai nói: “Lúc bấy giờ pháp của Như lai này hoại diệt hết thì trưởng giả đó tên là Ngân Tràng, liền ở nơi cõi này sẽ được thành Phật, danh hiệu là Kim Tràng Quang Như lai”.

3. Thứ ba nói: “Lúc tất cả giáo pháp của Như lai này thấy đều hoại diệt không còn, thì người con thứ của Ngân Quang sẽ được thành Phật, hiệu là Kim Quang Minh Như lai”.

4. Thứ tư nói: “Lúc này mười ngàn vị Thiên tử nghe ba vị đại sĩ được thọ ký xong, lại nghe kinh Tối Thắng Vương như vậy, tâm vui mừng thanh tịnh, không còn cấu nhiễm, giống như hư không. Lúc bấy giờ, Như lai biết mười ngàn vị Thiên tử này gốc lành đã thành thực liền

thọ ký rằng: Các ông vào đời tương lai ở thế giới Tối thắng nhân-đà-la cao tràng, được thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, đồng một chủng tánh, lại cùng một danh hiệu là Điện Mục thanh Tịnh Ưu-bát-la Hương Sơn, đầy đủ mười hiệu”. Như vậy lần lượt mười ngàn Đức Phật xuất hiện ở thế gian.

Kế, trong phẩm Tịnh Địa Đà-la-ni nói: “Vô lượng, vô biên vị Bí-sô, Bí-sô ni đạt được pháp nhãn thanh tịnh, đây là đắc sơ quả”. Nếu theo Đại thừa thì đạt được pháp nhãn thanh tịnh chính là địa vị Sơ Địa, tức là thuộc về nhân lợi. Và theo Du-già nói là Tiểu quả.

Tiếp theo trong phẩm Y Không Mãn Nguyệt chếp: “Lúc nói phẩm này có tám ngàn ức vị Thiên tử, vô số vua chúa, thần dân xa lìa bụi nhơ, đạt được pháp nhãn thanh tịnh”.

Kế là quả thế gian: Sơ lược nêu ra mười bảy loại. Như trong phẩm Như lai Tuổi thọ chếp: “Tất cả chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới, nhờ uy lực Phật được vui sướng mẫu nhiệm, không có thiếu thốn, nếu thân không đầy đủ thì sẽ được đầy đủ, người mù sẽ nhìn thấy, người điếc sẽ nghe được, người câm sẽ nói được, người ngu được trí tuệ, nếu người tâm tư tán loạn sẽ được tâm ban đầu, nếu người không có mặc được áo quần, người bị ác tặc thì được mọi người đều kính trọng, người có thân cấu uế sẽ thanh tịnh, đối với tất cả lợi ích và những việc chưa từng có nơi thế gian này thấy đều hiển hiện”.

- Ở đây có chín lợi ích:

1. Được vui sướng đầy đủ.
2. Có đủ các căn.
3. Được công dụng về lưỡi.
4. Được trí tuệ.
5. Không đánh mất tâm.
6. Được y phục.
7. Được tôn trọng.
8. Thân thanh tịnh.
9. Được nhiều lợi ích.

Phẩm Tứ Thiên Vương Hộ Quốc phần cuối chếp: “Lúc nói pháp này có vô lượng chúng sinh đều được đại trí, thông minh sáng suốt biện tài, được vô lượng nhóm công đức, xa lìa các ưu tư khổ não, phát tâm vui mừng, khéo hiểu rõ các luận”. Tám ích lợi trong đây, lời văn rất có thể hiểu. Thế giới trên đây đã bước lên đạo xuất ly, không còn lui sụt, mau chứng quả Bồ-đề, đây là nhân lợi xuất thế.

Tiếp là trong được nhân lợi, lại có hai: Trước đạt được nhân xuất

thế, sau là đạt được nhân thế gian.

Nhân lợi xuất thế có mười lăm thứ:

1. Trong phẩm Thọ lượng nói có hai loại: “Lúc bấy giờ, trong pháp hội có ba mươi hai ngàn vị Thiên tử đều phát tâm A-nậu Bồ-đề”.

2. Lại chép: “Lúc nói phẩm Như lai Tuổi thọ này, vô lượng, vô số, vô biên chúng sinh đều phát tâm A-nậu Bồ-đề”.

3. Phẩm Sám Hối nói: “Nếu có thiện nam, thiện nữ nào, nghe danh hiệu Bảo Vương Đại Quang Chiếu Như lai này, thì được không lui sụt đối với Bồ-tát địa, đến khi đại Niết-bàn thì nghe nói được lợi ích này”.

4. Cuối phẩm nói: “Bấy giờ, các đại chúng nghe Phật nói xong đều được lợi ích tốt đẹp, vui mừng vâng lời thực hành”.

5. Phẩm Tịnh Địa Đà-la-ni chép: “Lúc nói pháp này có ba mươi ức vị Đại Bồ-tát đạt được Vô sinh pháp nhẫn”.

6. Lại chép: “Vô lượng các Bồ-tát không còn lui sụt tâm Bồ-đề”.

7. Lại chép: “Vô lượng, vô biên Bí-sô, Bí-sô ni đạt được pháp nhẫn thanh tịnh”.

8. Lại chép: “Vô lượng chúng sinh phát tâm Bồ-tát”.

9. Phẩm Liên Hoa Dụ Tán chép: “Đại chúng nghe nói như vậy đều phát tâm Bồ-đề, nguyện hiện tại, vị lai thường thực hành theo pháp sám hối này”.

10. Phẩm Trùng Hiển Không Tánh chép: “Khi các đại chúng nghe Phật nói về tánh không sâu xa này, có vô lượng chúng sinh đều được hiểu rõ thông suốt bốn đại, năm uẩn thể tánh đều không sáu căn sáu cảnh vọng sinh trói buộc, nguyện xả bỏ luân hồi, chánh tu xuất ly”

11. Phẩm Y Không Mãn Nguyện nói: “Lúc nói pháp này có ba ngàn ức Bồ-tát, không còn lui sụt đối với A-nậu Bồ-đề”.

12. Lại chép: “Trong pháp hội có năm mươi ức vị Bí-sô, thực hành hạnh Bồ-tát sắp lui sụt Bồ-đề, khi nghe Bồ-tát Như Ý Bảo Quang Diệu nói pháp này, đều được đầy đủ các nguyện cao thượng vững chắc không thể suy nghĩ bàn luận, lại tiếp tục phát tâm Bồ-đề”.

13. Phẩm Tứ Thiên Vương Hộ Quốc chép: “Vô lượng, vô biên chúng sinh đều bước lên đạo xuất ly, không còn lui sụt, mau chứng quả Bồ-đề, đầy đủ như trước đã dẫn”.

14. Phẩm Lưu Thủy chép: “Các thầy đều phải siêng cầu xuất ly, đừng có buông lung! Đại chúng nghe xong thầy đều hiểu rõ, do đại từ bi cứu độ che chở tất cả, siêng tu khổ hạnh mới có thể chứng được Vô thượng Bồ-đề. Tất cả đều phát tâm sâu xa tin nhận vui mừng”.

15. Phẩm Xả Thân chép: “Lúc nói về nhân duyên xa xưa này, vô lượng a-tăng-xí-da trời, người đại chúng đều rất vui mừng, khen ngợi chưa từng có, thấy đều phát tâm A-nậu Bồ-đề”.

Kế là nói về đạt được lợi ích về nhân ở hiện đời: Phẩm Sám Hối chép: “Nếu có người nữ nghe danh hiệu Đức Phật này, lúc sắp qua đời được thấy Đức Phật ấy đến chỗ mình, thấy Đức Phật rồi thì rất rạo không bao giờ còn làm thân nữ, đã nói cho mọi người nghe thì các người nữ nghe danh hiệu Đức Phật này hiện tại cũng đạt được nhân, ở đời sau không còn chịu quả báo làm người nữ”.

Kế là nói về đạt được lợi ích đời sau: Tức là pháp hội Thấu phong đã nói kinh này, sau đó nương theo tu học đạt được những lợi ích ấy đều là lợi ích về sau.

Sơ lược nêu ra một số:

1. Nói về lợi ích nghe kinh: phẩm Tứ Thiên Vương Hộ Quốc chép: “Nếu có chúng sinh nào nghe kinh Kim Quang Minh này, thì trên đường tiến đến không còn lui sụt A-nậu Bồ-đề”.

2. Nói về ích lợi tụng kinh: phẩm Đại biện Tài Thiên nữ chép: “Biện Tài Thiên nữ bạch Phật rằng: Bạch đức Thế tôn! Nếu có vị Pháp sư nào giảng nói kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương này, thì con sẽ làm cho vị đó tăng thêm biện giải trí tuệ đầy đủ ngôn thuyết trang nghiêm. Nếu vị Pháp sư ấy tất cả văn từ, câu nghĩa trong kinh này, quên mất thì con đều giúp cho nhớ kỹ, thường khéo nghe hiểu, lại đối với Đà-la-ni Tổng trì vô ngại”.

3. Nói về ích lợi thọ trì: phẩm Vô Đấm nhiễm Đà-la-ni chép: “Nếu có mười A-tăng-kỳ Tam thiên Đại thiên thế giới, trong đó đầy ngập bảy báu dâng cúng các Đức Phật, và dùng các thứ thức ăn ngon, y phục đẹp bậc nhất cúng dường trải qua vô lượng kiếp; nếu lại có người, đối với Đà-la-ni này dù chỉ thọ trì được một câu, phước người ấy tạo ra gấp nhiều lần đối với phước kia. Vì sao? Vì pháp môn sâu xa vô đấm nhiễm Đà-la-ni này là mẹ của các Đức Phật”.

Ý nói từ kinh có công năng sinh ra các Đức Phật cho nên gọi là Phật mẫu.

4. Nói về lợi ích lưu thông: phẩm Tam Thân nói: “Nếu chỗ nào giảng nói kinh này, thì đối với cõi nước đó có bốn điều lợi ích:

Một là vua chúa, quân lính hùng mạnh không có các kẻ thù đối địch, lìa xa tật dịch, tuổi thọ kéo dài, tốt lành vui sướng yên ổn, chánh pháp hưng thịnh hiện bày.

Hai là ở trong cung các phi tần vương tử cùng các quan thần hòa

thuận vui vẻ không tranh cãi, lia xa dua nịnh, yêu quý tôn trọng nhà vua.

Ba là các Sa-môn, Bà-la-môn và dân chúng trong nước, tu hành theo chánh pháp an vui, không bệnh tật, không chết đột ngột, đối với các ruộng phước thấy đều tu tạo xây đắp.

Bốn là trong ba thời bốn đại điều hòa thích hợp, thường được các vị trời càng thêm bảo vệ che chở, từ bi bình đẳng không có tâm giết hại, khiến cho các chúng sinh quy kính Tam bảo, tu tập hạnh A-nậu Bồ-đề”.

Lại phẩm Tam Thân nói về lợi ích nghe kinh rằng: “Nếu có thiện nam, thiện nữ nào đối với kinh Kim Quang Minh này lắng nghe tin hiểu thì không đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, A-tu-la, thường ở cõi trời, cõi người không sinh ở nơi thấp kém, thường được gần gũi các Đức Phật, Như lai nghe nhận chánh pháp, thường sinh về cõi nước thanh tịnh của các Đức Phật. Vì sao? Vì được nghe pháp sâu xa này, các thiện nam, thiện nữ đó tức thời được Như lai thọ ký, sẽ được không lui sụt trên đường tiến đến A-nậu Bồ-đề, đối với pháp sâu xa vi diệu này một lần qua tai người ấy, thì nên biết rằng người ấy không vu cáo Như lai, không chê bai chánh pháp, không khinh thường Thánh chúng.

Tất cả chúng sinh chưa gieo trồng gốc lành thì làm cho gieo trồng, đã gieo trồng gốc lành rồi thì làm cho thêm lớn thành tựu, tất cả chúng sinh trong tất cả thế giới đều siêng năng tu hành sáu độ Ba-la-mật-đa”. Lại trong phẩm Sám Hối nói về lợi ích lưu thông rằng: “Nếu có bốn chúng, ở bất cứ nơi nào giảng nói kinh Kim Quang Minh vi diệu này cho người nghe thì, ở cõi nước đó đều được bốn thứ phước lợi gốc lành:

Một là vua chúa không bị bệnh tật, lia xa các tai nạn hiểm nguy.

Hai là tuổi thọ kéo dài, không bị chướng ngại.

Ba là không có các kẻ thù đối địch, quân lính hùng mạnh.

Bốn là yên ổn giàu có vui sướng, chánh pháp truyền bá”.

Lại nói: “Ở trong nước đó đại thần phụ tướng được bốn điều lợi ích:

Một là càng thêm gần gũi, hòa thuận, tôn trọng, yêu thương nghĩ nhớ về nhau.

Hai là thường được vua và dân chúng có tâm tôn trọng yêu quý, cũng được các Sa-môn, Bà-la-môn nước lớn, nước nhỏ kính trọng vâng theo.

Ba là coi nhẹ tài vật, tôn trọng chánh pháp, không mong cầu lợi dưỡng thế gian, tiếng tăm tốt đẹp đồn xa khắp nơi, mọi người đều khâm

phục và kính mến.

Bốn là tuổi thọ dài lâu, yên ổn, vui sướng.

Các Sa-môn, Bà-la-môn cũng được bốn ích lợi tốt đẹp:

Một là bốn sự không thiếu.

Hai là yên tâm suy nghĩ.

Ba là dựa vào núi rừng được cư trú an vui.

Bốn là tùy nguyện được trọn vẹn.

Nhân dân đều được giàu có vui sướng không có các tật dịch, người buôn bán đi lại được nhiều của cải quý báu, đầy đủ phước đức tốt đẹp”.

Ngoài ra các phẩm nói về đạt được lợi ích tuy rất nhiều chủng loại nhưng chẳng qua cũng giống như vậy. Lợi ích đã nhiều, nếu có người nào nghe thì nên tu học đúng như pháp.

Thứ đến là nói vì sao kinh có tên gọi như thế:

Lại chia làm hai:

Trước nói chung về giải thích tên kinh kể là giải thích mục lục kinh này.

Trong phần đầu có hai:

Thứ nhất nói chung về giải thích tên kinh kể là phân tích giải thích ý. Ở đây đầy đủ như trong Pháp Hoa Nghĩa Quyết và Duy Thức Nghĩa đặng, kể là giải thích mục lục kinh:

1. Giải thích toàn bộ tên kinh.

2. Giải thích riêng về phẩm mục.

Giải thích toàn bộ tên kinh:

Trước dựa theo xưa, sau là nói theo hiện nay.

Giải thích theo xưa: Truyện Chân-đế chép: “tiếng phạm nói là Tu-bạt-noa, Hán dịch là Kim, Bà-pha-bà, Hán dịch là Quang, Uất-đà-ma, Hán dịch là Minh, Nhân-đà-la, Hán dịch là Đế, La-duyệt-na, Hán dịch là Vương.

Cho nên ở Tây độ xuất bản gọi là kinh Phật-đà, kinh Kim Quang Minh, kinh Đế Vương. Ý ở đây, kinh Phật-đà lấy sở thuyên làm danh, Kim Quang Minh là pháp và dụ hợp làm danh, cũng từ công dụng gọi là kinh Đế Vương, nhưng từ dụ xưng gọi là Kim Quang Minh. Ba chữ này biểu thị cho ba thứ ba vi là Thể của kinh:

1. Ba thân.

2. Ba đức (là Bát-nhã, Giải thoát, Pháp thân).

3. Ba vị (là đạo tiền, đạo trung, đạo hậu).

Đạo tiền tức là an trú trong tự tánh Phật tánh, đạo trung tức là dẫn

ra Phật tánh, đạo hậu tức là đến đắc quả Phật tánh, y theo cực giải thích cũng tức là ứng đắc Nhân, Gia hạnh nhân, Nhân mãn nhân.

Như dưới đây là phối hợp với ba thứ Phật tánh ở trước.

Thứ nhất là ba thân:

Một là Thể của vàng vốn có thật sự để dụ cho pháp thân.

Hai là ánh sáng thường soi chiếu để dụ cho ứng thân.

Ba là sáng ngời thường lợi ích khắp nơi để dụ cho hóa thân.

Thứ hai dụ cho ba đức:

- Một là Vàng dụ cho pháp thân, có bốn nghĩa:

1. Màu sắc không đổi như Thường.
2. Thể tánh không nhiễm như Tịnh.
3. Chuyển thành mọi vật không ngăn ngại như ngã.
4. Khiến cho người giàu có như Lạc.

- Hai là Ánh sáng, có hai nghĩa:

1. Thường soi chiếu tất cả.
2. Thường xua tan tối tăm, như Bát-nhã.

- Ba là Soi sáng, có hai nghĩa:

1. Không còn tối tăm.
2. Rộng xa, như giải thoát, đều không có các tai họa.

Thứ ba dụ cho ba vị: Vàng là vốn có như chánh nhân trước đạo, ý này dụng như cho là ba thân Phật, ánh sáng là bắt đầu có như liễu nhân trong đạo, ý này đối với duyên khởi tu công năng mới bắt đầu phát sinh, không phải là thể vốn có, cho nên hưởng đến quả đức gọi là liễu nhân, soi sáng là không còn tối tăm như quả của đạo hậu.

Trong ba thân thì pháp thân thích hợp phân biệt nghĩa chân thật, hai thân còn lại không thật, bởi vì công năng mới bắt đầu phát sinh gọi là giả.

Trong ba đức, pháp thân thích hợp phân biệt bốn nghĩa vô nhiễm v.v... đầy đủ bốn đức mới là pháp thân.

Trong ba vị, pháp thân thích hợp với nghĩa ánh sáng vốn có, đối với duyên và quả là mới bắt đầu có.

Ý này thường trở lại dựa theo sự tu hành nói rõ, như bốn tánh không có ba thứ khác nhau. Nghĩa của khắc thủ, thể thủ, bổn hữu đã nói như trước.

Ba nghĩa này lần lượt trước sau: Đó là có nhân duyên tu nên đạt được quả, đạt được quả nên có ba đức, ba đức đầy đủ nên dùng ba thân giáo hóa chúng sinh. Ý này do có đạo tiền trong ba vị như cũ cho nên làm chánh nhân, đạo trung tu đầy đủ đến đạo hậu vị đầy đủ ba đức, ba

đức trọn vẹn nên mới được ba thân giáo hóa chúng sinh. Thứ lớp ngược lại, ba thứ ba vị trong ba thứ này làm chánh thể, cho nên phẩm Thọ lượng nói quả ở đạo hậu, phẩm Tam Thân nói nhân ở đạo tiền.

Phẩm Sáu Hồi về sau nói ở trong đạo. Ý này trong kinh chính thức nói rõ ba vị là Chánh Tông của kinh. Tam đế vương có ba nghĩa:

1. Nói về pháp thân thuộc Hoa Nghiêm, Hoa Nghiêm lấy pháp thân làm Thể.
2. Nói về trí tuệ quán Bát-nhã, Bát-nhã lấy trí tuệ làm Thể.
3. Nói về bốn đức thuộc Niết-bàn, Niết-bàn lấy Thường, Lạc, Ngã, Tịnh làm chánh thể.

Ý này do xuyên suốt ba nghĩa đó cho nên gọi là Đế Vương Kinh. Có ba loại chánh:

1. Chánh thuyết văn mười hai bộ.
2. Văn chánh hạnh trở xuống, nêu các hạnh.
3. Chánh quả là pháp của bốn đức.

Chánh thuyết sinh ra chánh hành, chánh hành sinh ra chánh quả.

Một là năng hiển bày.

Hai là năng thực hành.

Ba là năng đạt đến.

Cho nên đều gọi là Kinh.

Kinh nói ở đây chính là phần thứ nhất.

Kế là nói về hiện nay:

Âm tiếng Phạm xưa kia có sai sót, hiện nay nói đúng phải là Tô-bạt-na Bà-bà-bà Uất-đa-ma La-xà Tô-đát-lãm.

Tô-bạt-na, Hán dịch là Kim, Bà-bà-bà, Hán dịch là Quang, nói Quang Minh tức là nói tắt, Uất-đa-ma, Hán dịch là Tối Thắng, La-xà, Hán dịch là Vương, Tô-đát-lãm, Hán dịch là Kinh Đỉnh Sách, nên phải nói là Kinh Kim Quang Tối Thắng Vương.

Hai chữ Kim, Vương luôn luôn là dụ, Quang Minh Tối Thắng đều chung cho pháp và dụ.

Nay đối với đề mục này sơ lược đưa ra năm cách giải thích:

1. Giải thích theo bốn pháp Giáo, Lý, Hạnh, Quả.
2. Giải thích Tam bảo.
3. Giải thích Bồ-đề, Niết-bàn.
4. Giải thích theo Pháp, dụ.
5. Giải thích theo Nhân, pháp.

- Giải thích theo Giáo v.v... Giáo năng thuyên này dường như Quang minh, cho nên phẩm Tựa trong kinh Vô Cấu Xứng chép: “Giảng

nói pháp bảo quang”.

Luận Du-già bốn mươi bốn chép: “Lúc sắp nghe pháp thực hành năm thứ tưởng.

1. Tưởng là quý báu, vì rất khó được.

2. Tưởng là mất, vì được sinh ra mất tuệ.

3. Tưởng là sáng, vì đã được trí tuệ rộng lớn đối với tất cả mọi thứ đều soi chiếu.

4. Tưởng đại quả công đức cao quý, có thể đạt được Niết-bàn và Tam-bồ-đề, là nghĩa vô thượng diệu tích nhân tánh.

5. Tưởng vô tội rất vừa ý: đối với pháp hiện tại chưa được Niết-bàn và Tam-bồ-đề, đối với pháp như thật phân biệt chỉ quán, là nghĩa vô tội rất ưa thích nhân tánh”. Phân biệt nghĩa thứ ba bởi vì có thể hiển bày lý tương tự như ánh sáng. Nêu ra hai ánh sáng ấy ý hiển bày hai không, hoặc là phước, trí, hoặc Bồ-đề, Niết-bàn, đều có nhân quả, không như vậy thì quang và minh nêu lên bất cứ một thứ nào, đâu giả định là hai ư? Trong giáo thì tối thắng như vua, cho nên phẩm Phú Chúc nói: “Chính tôi nghe Đức Phật nói vô lượng các kinh điển, chưa từng nghe vua trong pháp thâm diệu như vậy”. Sự thắng diệu đó như thế nào? Như trong kinh nói các sự thắng diệu, sợ rằng rườm rà không dẫn ra, mở ra điều ấy cần phải nói, cho nên chỉ chọn lấy Kim và Vương làm thí dụ. Tạm thời chọn Kim là thí dụ sơ lược nêu ra bốn nghĩa:

1. Tánh vốn có.

2. Rất khó được.

3. Kim luân.

4. Quý giá nhất trong các thứ báu.

- Tánh vốn có: dụ cho giáo pháp này bị chân như làm cho trôi lăn, thâm nhiếp tướng trở về tánh cho nên đều là vốn có. Lại vì các Đức Phật nói không có bờ mé đầu tiên.

- Rất khó được: Trong phẩm Tựa chép: “Ta sẽ nói kinh này là chộ thực hành sâu xa của Phật, giáo bí mật của các Đức Phật ngàn muôn kiếp khó gặp được”.

Phẩm Phú Chúc chép: “Các ông nên biết rằng: Trong vô lượng, vô số đại kiếp ta chịu khó tu tập khổ hạnh, đạt được pháp sâu xa cùng chánh nhân Bồ-đề, đã nói cho các ông nghe. Lại như người nghèo cùng suốt đời không thể đạt được, cho nên phải có phước nhân”.

Trong phẩm Đại biện tài Thiên nữ chép: “Kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương này, vì các hữu tình kia đã ở chỗ trăm ngàn Đức Phật gieo trồng các gốc lành xứng đáng thọ trì, trong Nam Thiện Bộ Châu

thực hành truyền bá rộng rãi khắp nơi cho đến giảng nói”.

3. Kim luân: Như Luân Vương sử dụng vàng làm bánh xe, thường hàng phục những gì chưa hàng phục, thường trấn giữ những gì đã hàng phục. Kinh này cũng giống như vậy.

Phẩm Sám Hối Diệt Chướng và phẩm Tịnh địa nói về dứt trừ các chướng giống như hàng phục những gì chưa hàng phục. Trong các phẩm nói nghe rồi chứng được không lui sụt giống như giữ gìn những gì đã hàng phục, lý ấy thành tựu cùng cực, vẫn rườm rà nên không trích dẫn.

4. Quý giá nhất trong các thứ báu: Như vàng là bậc nhất trong bảy thứ báu, cho nên chỉ chọn lấy vàng thí dụ với kinh pháp này, sự quý giá nhất trong các thứ báu cũng giống như vậy.

Chọn Vương làm thí dụ cũng sơ lược nêu ra bốn nghĩa:

1. Nghĩa có khả năng phá tan kẻ thù.
2. Nghĩa nhóm họp các thứ báu.
3. Nghĩa thường hóa sinh khắp nơi.
4. Nghĩa khiến cho giai vị không mất.

Lại như Luân Vương có bốn nghĩa này:

1. Có ngàn người con cùng làm chủ quan binh cho nên thường buộc kẻ địch phải đầu hàng, dụ cho kinh này có pháp sám hối, và thực hành mười độ dứt trừ mười chướng, hai mươi hai vô minh v.v...

2. Nghĩa thường nhóm họp các thứ báu, các luận nói rằng nhóm họp phước đức vương định. Phẩm Mãn Nguyên trong kinh này chép: “Như vị vua ở thế gian bảy báu không diệt hết, nếu vua băng thì tất cả bảy báu tự nhiên diệt hết; kinh Kim Quang Minh vi diệu này, như đại chánh pháp bảo hiện ở đời thấy đều không hoại diệt. Lại như Luân Vương đã xuất hiện ở đời bảy báu lập tức hiện bày, kinh vương này đã giảng nói rồi, bảy thánh tài quý báu thấy đều hiển hiện”.

3. Nghĩa thường hóa sinh khắp nơi: Như Kim Luân Vương biến hóa khắp bốn châu, kinh vương này biến hóa khắp bốn loài. Phẩm Thọ lượng chép: “Tất cả chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới, nhờ vào uy lực của Phật được vui sướng tốt đẹp vô cùng, không có điều gì thiếu thốn”.

4. Nghĩa khiến cho giai vị không mất: Như Kim Luân Vương nhất định truyền lại ngôi vị làm cho không thể dứt mất. Kinh này cũng giống như vậy, thường làm cho hạt giống Phật (chủng) nối nhau không ngừng dứt. Phẩm Thọ Ký đã thọ ký cho Bồ-tát Diệu Tràng và hai người con, mười ngàn vị trời nhờ nghe ba vị này được thọ ký mà khởi tâm ân cần

thanh tịnh cũng được thọ ký cho nên dụ là Vương.

Thứ là Y theo Lý: Trong phẩm Tam Thân chép: “Do ba thứ thanh tịnh nên gọi là Cực thanh tịnh:

1. Phiền não thanh tịnh.
2. Khổ thanh tịnh.
3. Tướng thanh tịnh.

Giống như vàng thật nung chảy đúc thành, đã đốt sạch không còn tạp chất, là nói lên tánh vàng vốn thanh tịnh. Thể của vàng thanh tịnh không thể cho rằng không có vàng”.

Cho đến nói: “Vì nói lên Phật tánh vốn thanh tịnh, không thể cho rằng vô thể”, đây là dụ cho Lý. Chân như sẵn có tự tánh thanh tịnh nhưng bị che lấp không hiện, lìa bỏ ngăn che thì liền hiển bày, chẳng phải bắt đầu có tịnh. Bởi vì lý chân như cao siêu, như vua là chỗ nương tựa cho nên có các công đức khác.

Kế là Y theo Hạnh: Trong phẩm Tam Thân chép: “Như những người thiện nam bạch với Đức Phật rằng: Bạch Thế tôn! Điều gì là thiện, điều gì là bất thiện, điều gì là chánh tu được hạnh thanh tịnh? Các Đức Phật Như lai và chúng đệ tử, liền nói cho họ nghe khiến họ hiểu được. Những người kia đã nghe xong chánh niệm ghi nhớ giữ gìn, phát tâm tu hành liền dứt trừ mười một chướng, được vào mười một địa”. Cho đến nêu thí dụ, giống như vàng thật nung chảy đúc thành.

Đây là thí dụ cho sự tu hành. Đã thiêu hủy sạch không còn tạp chất.

Đây là dụ cho sự đắc quả. Tức là sự tu hành cũng được dụ cho vàng, cũng như quang minh, cho nên phẩm Tứ Thiên Vương Hộ Quốc chép: “Chúng con Tứ vương cùng quyến thuộc Dục-xoa ủng hộ kinh này và Pháp sư nói pháp, dùng ánh sáng trí tuệ để giúp đỡ, bảo vệ”. Đây tức là tu hành, người có khả năng tu hành cũng được gọi là Tối vương, như ngôi vương, vương tử. Lại còn trời người tám bộ tất cả các vua có khả năng thực hành kinh này thì cũng hơn hẳn trong các vua gọi là Tối Thắng Vương. Vì thế phẩm Quán Sát chép: “Sẽ khiến cho vị vua đó trở thành người đứng đầu trong các vị vua”. Đây tức là dựa theo Hạnh.

Tiếp là Y theo Quả: như trước đã giải thích theo xưa. Y theo ba thân, ba đức: Chính là ý này muốn hiển bày bốn thứ Giáo, Lý, Hạnh, Quả đều thù thắng, đều được gọi là Kinh. Do y theo Giáo thù thắng có thể hiển bày Lý thù thắng, căn cứ và Lý thù thắng có thể khởi Hạnh thù thắng, từ Hạnh thù thắng có thể đạt được Quả thù thắng, cho nên dựa vào tất cả bốn pháp để lập tên kinh.

Thứ đến là y theo Tam bảo giải thích tên kinh: Kinh này hoặc là y theo Phật bảo để lập danh, bởi vì nói về ba thân và tuổi thọ, hoặc y theo pháp bảo để lập danh, vì nói về Hạnh Thập địa, thường nhờ vào hạnh ấy chính là Tăng bảo, hoặc y theo toàn bộ Tam bảo để lập tên kinh, trong Mộng Sám Nguyễn tám chép: “Con sẽ an trú trong Thập địa là mười thứ châu báu để làm chân, thành Phật quang minh công đức vô thượng”.

Năng an trú là Tăng, Thập địa sở trụ là Pháp, sở thành là Phật, công đức và ánh sáng có cả ba loại. Tam bảo quang minh vì sao gọi là thắng? Lại Phật quang minh như trong phẩm Diệt Nghiệp Chương chép: “Lúc yên lặng suy nghĩ từ lỗ chân lông nơi thân phát ra ánh sáng rực rỡ, vô lượng trăm ngàn biết bao màu sắc, cõi nước của các Đức Phật thấy đều hiện rõ trong ánh sáng, mười phương hằng hà sa so sánh thí dụ không thể nào sánh được, cõi đời có năm thứ vẫn được ánh sáng soi chiếu thì các chúng sinh gây ra mười nghiệp ác, năm tội Vô gián, chệch Tam bảo bất hiếu tôn thân, khinh mạn thầy tổ cùng Bà-la-môn nên phải đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, những hạng đó đều được ánh sáng chiếu đến nơi ở”. Cho đến nói: “Nhờ năng lực ánh sáng cho nên đều được yên vui, sắc tướng khôi ngô, tốt đẹp tuyệt vời, phước trí trang nghiêm đầy đủ, được thấy các Đức Phật”.

Trong này có mười hai loại thù thắng khác ngoài ánh sáng:

1. Nhân thắng, từ yên lặng mà suy nghĩ.
2. Năng khởi phát thắng, là thân Phật.
3. Tự tánh tốt đẹp, là trăm ngàn màu sắc.
4. Năng hiện tốt đẹp, là các cõi nước các Đức Phật.
5. Giáo lượng tốt đẹp, thí dụ không thể sánh bằng.
6. Từ bi tốt đẹp, là soi chiếu năm thứ vẫn đục.
7. Diệt ác tốt đẹp, là gây mười nghiệp ác đến chúng Bà-la-môn.
8. Bạt khổ tốt đẹp, là đáng đọa địa ngục, cho đến nói, đến chỗ ở.
9. Dữ lạc, là nhờ năng lực ánh sáng cho nên đều được yên vui.
10. Trang nghiêm tốt đẹp, là sắc tướng khôi ngô, xinh đẹp tuyệt vời.
11. Bồ-đề tư lương tốt đẹp, là phước đức trang nghiêm.
12. Thân cận thắng, là được thấy các Đức Phật, Pháp, Tăng, ánh sáng rực rỡ, dẫn văn rất dễ hiểu.

Thứ ba là y theo Bồ-đề-Niết-bàn giải thích tên kinh: Hoặc là dụ danh, bởi vàng có ánh sáng rực rỡ nhất trong các thứ báu, như vua cõi trời thù thắng nhất trong cõi trời cõi người, tốt đẹp nhất ở cả hai nơi.

Kinh này cũng giống như thế, cho nên theo dụ mà đặt tên. Hoặc là pháp dụ danh, Kim Quang Minh là dụ, Tối Thắng Vương là pháp, cho nên phẩm Phú Chúc chép: “Chính Ta nghe Đức Phật nói vô lượng các kinh điển, nhưng chưa từng nghe pháp đứng đầu trong các pháp mẫu nhiệm như thế”.

Hoặc lại là ánh sáng có cả pháp, và dụ, bởi vì ánh sáng pháp rực rỡ nhất trong các thứ ánh sáng, phẩm Liên Hoa Dụ Tán Thán chép: “Nguyện ánh sáng nơi thân con sánh bằng các Đức Phật, phước đức trí tuệ cũng như vậy, tất cả thế giới xưng tụng tôn kính một mình con, uy lực tự tại không ai sánh bằng”.

Thứ đến là y theo người, pháp để giải thích tên kinh: Hoặc Kim Quang Minh là người, cho nên phẩm Thọ Ký chép: “Con là Ngân Quang trở về thế giới Kim Quang Minh sẽ được thành Phật, hiệu là Kim Quang Minh”.

Lại giải thích, Kim Quang Minh là tên pháp, bởi vì cõi nước đó tên là Kim Quang Minh. Còn trong phẩm Mộng Kiến Sám Hối chép: “Mơ thấy trống vàng phát ra ánh sáng rực rỡ, nơi trong ánh sáng này được thấy vô lượng các Đức Phật khắp mười phương”.

Còn phần thứ ba nói: “Phát ra ánh sáng màu vàng khắp mười phương cõi nước”. Uy lực kinh này, hoặc có cả nhân, pháp, bởi vì hai đoạn trước là nói sơ lược, tuy lý, sự khác nhau nhưng đều được gọi là pháp, lý cũng có thể có cả nhân, pháp dụ danh, ý chính là dùng pháp, dụ cho làm tên kinh. Y theo sáu cách giải thích ấy, thì kinh Tối Thắng Vương này hoặc kinh Quang Minh tức như Kim Quang Minh. Hoặc pháp Tối Thắng tức như Vương gọi là Kim Quang Minh Tối Thắng Vương. Theo trì nghiệp thích thì không muốn giải thích riêng Kim Quang Minh và Tối Thắng Vương, cho nên không trái nhau. Không muốn giải thích Kim Quang Minh, cho nên chẳng phải là hữu tài thích. Kim Quang Minh Tối Thắng Vương là lý sở thuyên, kinh là giáo năng thuyên, tức là y chu thích. Nếu đều là giáo thì Kim Quang Minh tức là Kinh, thuộc về trì nghiệp thích, đều là lý cũng giống như vậy, trong đó sự khác nhau lại có nhiều phần, e rằng rườm rà không kể ra.

Kế là phân biệt giải thích tên phẩm, lại chia làm bốn:

1. Nêu tên phẩm.
2. Nói về được tên riêng.
3. Nói về hữu vô khai hợp.
4. Nói về thứ lớp.

Kể ra tên Phẩm: Đó là phẩm Tựa, phẩm Thọ lượng, phẩm Tam

Thân, phẩm Mộng Kiến Sám Hối, phẩm Diệt Nghiệp Chương, phẩm Tịnh Địa Đà-la-ni, phẩm Liên Hoa Dụ Tán, phẩm Kim Thắng Đà-la-ni, phẩm Trùng Hiển Không Tánh, phẩm Y Không Mãn Nguyên, phẩm Tứ Thiên Vương Quán Sát Nhân Thiên, phẩm Tứ Thiên Vương Hộ Quốc, phẩm Vô Đắm nhiễm Đà-la-ni, phẩm Như Ý Bảo Châu, phẩm Đại biện Tài Thiên nữ, phẩm Đại Cát Tường Thiên nữ, phẩm Đại Cát Tường Thiên Nữ Tăng Trưởng Tài Vật, phẩm Kiên Lao Địa Thần, phẩm Tăng Thận-nhĩ-da Dược-xoa Đại Tướng, phẩm Vương Pháp Chánh Luận, phẩm Thiện Sinh Vương, phẩm Chư Thiên Dược-xoa Che chở, phẩm Thọ Ký, phẩm Trừ Bệnh, phẩm Trưởng Giả Tử Lưu Thủy, phẩm Xả Thân, phẩm Thập Phương Bồ-tát Tán Thán, phẩm Diệu Tràng Bồ-tát Tán Thán, phẩm Phú Chúc.

- Nói về được tên riêng: Ba mươi một phẩm chia ra làm hai loại:

Một là Pháp làm tên có hai mươi phẩm.

Hai là Pháp làm tên có mười một phẩm. Trong loại một lại có bốn: Theo Sự làm tên có ba phẩm, đó là phẩm Tựa, phẩm Xả Thân, phẩm Phú Chúc, theo Pháp làm tên có mười phẩm, đó là phẩm Thọ lượng, phẩm Tam Thân, phẩm Mộng Kiến Sám Hối, phẩm Diệt Nghiệp Chương, phẩm Tịnh Địa Đà-la-ni, phẩm Trùng Hiển Không Tánh, phẩm Y Không Mãn Nguyên, phẩm Vô Đắm nhiễm Đà-la-ni, phẩm Thọ Ký, phẩm Trừ Bệnh, theo dụ làm tên có một phẩm là Như Ý Bảo Châu; theo Nhân làm tên có sáu phẩm: Đó là phẩm Đại biện Tài Thiên nữ, phẩm Đại Cát Tường Thiên nữ, phẩm Kiên Lao Địa Thần, phẩm Tăng Thận-nhĩ-da Dược-xoa Đại Tướng, phẩm Thiện Sinh Vương, phẩm Trưởng Giả Tử Lưu Thủy. Trong loại hai lấy hai pháp làm tên lại chia làm hai: Pháp, Dụ làm tên có hai phẩm, đó là phẩm Liên Hoa Dụ Tán và phẩm Kim Thắng Đà-la-ni, Nhân, Pháp làm tên có chín phẩm, đó là phẩm Tứ Thiên Vương Quán Sát Nhân Thiên, phẩm Tứ Thiên Vương Hộ Quốc, phẩm Đại Cát Tường Thiên Nữ Tăng Trưởng Tài Vật, phẩm Vương Pháp Chánh Luận, phẩm Chư Thiên Dược-xoa Che chở, phẩm Thập Phương Bồ-tát Tán Thán, phẩm Diệu Tràng Bồ-tát Tán Thán, phẩm Bồ-đề Thọ Thần Tán Thán, phẩm Đại biện Tài Thiên nữ Thán Thán.

Ba là nói về Hữu vô khai hợp:

Một là Hữu vô khác nhau, Đàm-vô-sám đời Tây lương dịch gồm có mười tám phẩm, thiếu mười ba phẩm, năm phẩm khai ra hãy còn thiếu tám phẩm. Chân-đế đời Lương dịch có hai mươi hai phẩm thêm vào phẩm Tam Thân, phẩm Tịnh Chương, phẩm Tối Tịnh Địa, phẩm Y Không Mãn Nguyên, trừ phần khai ra hãy còn thiếu bốn phẩm. Xà-na-

quật-đa đời Tùy nêu ra hai mươi bốn phẩm, thêm vào phẩm Ngân Chủ Đà-la-ni, tức là phẩm Vô Đắm nhiễm Đà-la-ni bây giờ, và phẩm Chúc Luy, trừ phần khai ra còn thiếu hai phẩm. Tam tạng Pháp sư Trung Hưng đời Đại Đường, đối chiếu các bản tiếng Phạm dịch lại sơ lược, gom đầy đủ các phẩm và các tên các phẩm đó. Lại thêm phẩm Kim Thắng Đà-la-ni, phẩm Như Ý Bảo Châu, trong bản dịch cũ không có.

Kế là Khai hợp có khác: Ở bản cũ phẩm Quán Sát Nhân Thiên, phẩm Hộ Quốc hợp lại thành phẩm Tứ Thiên Vương, phẩm Đại Cát Tường Thiên nữ, phẩm Đại Cát Tường Thiên Nữ Tăng Trưởng Tài Vật hợp lại thành phẩm Công Đức Thiên nữ, phẩm Thập Phương Bồ-tát Tán Thán, phẩm Diệu Tràng Bồ-tát Tán Thán, phẩm Bồ-đề Thọ Thần Tán Thán, phẩm Đại biện Tài Thiên nữ Thán Thán hợp lại thành phẩm Tán Phật; nay đều tách ra, y theo sự tốt đẹp của người hoặc việc khác nhau cho nên thành ba mươi một phẩm.

Kế tiếp nói về Thứ lớp: Như lai nói pháp chắc chắn là có lý do, nếu đại chúng tề tựu các duyên hòa hợp, căn cơ phù hợp, chân thành khao khát, kính mến ý muốn ưa thích được nghe. Có nguyên nhân này mới có thể trình bày, cho nên có phẩm Tựa đầu tiên. Đại chúng đã nhóm họp và khát khao kính mến, thì phải ứng vật giảng nói, ý đại chúng mong mỏi ưa thích nhân quả vô thượng, cho nên có hàng Bồ-tát như Diệu Tràng để làm cơ duyên thừa thĩnh, nhân đây vì đại chúng nói về Bồ-đề, Niết-bàn, do đó bắt đầu có phẩm Thọ lượng.

Tuy nhiên bắt đầu nói chung chưa hề biết khác nhau, vì vậy nói riêng về Niết-bàn, Bồ-đề, dựa vào chung riêng khác với ứng biệt nói về ba thân Niết-bàn. Vì văn Niết-bàn ít nên dù là nói riêng vẫn nhập chung vào tuổi thọ. Văn ba thân nhiều vì Hư Không Tạng thừa thĩnh nên mới nói riêng.

Bắt đầu có phẩm Tam Thân đã biết quả tốt đẹp không thể lường thành, cần phải chờ nhân tu mới lĩnh hội được. Muốn tu hạnh thù thắng trước hết phải sửa đổi lỗi lầm vốn có, cố gắng thường sám hối tội lỗi đã qua, vì thế cho nên Phật thêm Diệu tràng khiến cho trong trong mơ thấy được sám hối lỗi lầm trước đó, do đó có phẩm Mộng kiến sám hối. Cho dù trong mộng có dứt trừ nhưng lỗi lầm chưa được rõ ràng, vì thế tâm dứt trừ chướng xấu ở nhân tốt đẹp, cho nên nhân Như lai phát ánh sáng kinh động đến Đế-thích, từ đó khởi thĩnh mong nói về cách thức sám hối.

Đã sám hối lỗi lầm trước đây rồi thì phải tu tập chánh hạnh, cho nên lời của bậc Sư tử phát ra gieo vào căn cơ u tối, Như lai đại bi lần

lượt giảng nói, phát tâm tu hành dứt chướng chứng thần chú che chở chân thật, cho nên có phẩm Tịnh Địa Đà-la-ni: Các thắng nghiệp này với nhân diệu tràng, đại chúng muốn biết vì sao như vậy, do đó Đức Phật nói với đại chúng về nhân duyên xa xưa rằng: “Thuở quá khứ ngài tên là Kim Long Chủ, dùng hoa sen thí dụ khen ngợi các Đức Phật, nhờ nghiệp tốt đẹp ấy nên có thể phát huy tuổi thọ mở đầu phương pháp sám hối”.

Cho nên có phẩm Liên Hoa Dụ Tán. Đã nhờ cúng dường khen ngợi các Đức Phật làm nhân cho nên dạy trì chú để thường thấy Phật, vì thế có phẩm Kim Thắng Đà-la-ni. Tuy lại nói rộng về nhân quả khiến cho nguyện tu hành nhưng chưa hiển bày hai không, chưa trừ sạch tình chấp, đồng thời các phẩm trước phần nhiều dựa vào tục đế khuyên vật chúng sinh tu, nói về hai không thì nương theo thắng nghĩa để khiến cho dứt sạch chấp trước. Trước tùy theo các nghĩa, tuy nhiên chỉ trình bày sơ lược, ở đây lại nói rộng ra khiến cho được khai ngộ, cho nên có phẩm Trùng hiển không tánh.

Trước đây đã nói nhiều về Hữu Hạnh, sợ rằng dính mắc vào Có mà không thể chứng được chân nên nay hiển bày rộng về hai Không, lại e rằng mê đắm Không mà chẳng tu hành, muốn khiến cho nương theo phương tiện để khởi hạnh, ngay nơi các hạnh mà quán xét không, y theo không thù thắng để chứng được chân, tức quán Không mà tu tập hữu, cả hai Không; hữu tiêu tan hoàn toàn không còn đắm trước, mới thành tựu hạnh thù thắng có thể chứng đến Bồ-đề, do đó có phẩm Y không mãn nguyện.

Trên đây là nói rộng về nhân quả Bồ-đề, Niết-bàn, quả cầu thì nhân tu tập, chân tục cùng quán sát, năng sự đã đủ nên ngay chỗ ngồi đạt được lợi ích. Muốn làm cho pháp lưu truyền để đời sau có kiến thức tu hành. Đời sau có nhiều chướng duyên sợ rằng khó tu tập, nếu không tiến hành bảo vệ giúp đỡ các duyên đó thì sẽ sinh ra chướng ngại nên không thể tu tập, pháp không có người tu tập thì nhờ đâu truyền bá ở đời?

Vì vậy nhờ phước lực của Tứ Thiên vương và uy thần của tám bộ chúng, trời người kính trọng mới được truyền bá rộng rãi, cho nên có phẩm Tứ Thiên Vương Quán Sát Nhân Thiên. Đồng thời nơi truyền bá kính điển lợi ích rất nhiều, đến mọi nơi chốn đều được tôn kính cúng dường, tôn kính cúng dường khiến cho pháp phát triển rộng rãi, Thiên thần vui vẻ mà tiến hành bảo vệ, cho nên có phẩm Tứ Thiên Vương Hộ Quốc.

Nhưng sợ rằng người học mê đắm các cảnh giới, lui sụt tâm đại Bồ-đề, do đó nói thần chú, thường tụng thần chú khiến cho không còn mê đắm, ở trong luân hồi sinh tử cầu quả vô thượng mà tâm không lui sụt, cho nên có phẩm Vô Đắm nhiễm Đà-la-ni.

Tuy khiến cho không còn lui sụt nhưng vẫn có các nạn duyên, sợ rằng các nạn duyên bất ngờ ập đến làm trở ngại sự tu tập, cho nên nói thần chú trừ sợ hãi, chết oan uổng, không còn đe dọa người tu hành, vì thế có phẩm Như ý bảo châu. Đã không lui sụt lia xa sợ hãi có thể tự tu hành, Bồ-tát vì hoài bão chắc chắn sẽ mở mang Phật pháp hóa độ chúng sanh, mở mang Phật pháp hóa độ chúng sanh chắc chắn nhờ vào thân an trú có đủ bốn biện tài, cho nên Thiên nữ Biện Tài nói chú bảo vệ giúp đỡ, đồng thời nhắc nhở tẩm gội được biện tài, thân an vui, do đó có phẩm Đại biện tài Thiên nữ. Tuy được thân an trú, đủ bốn biện tài nhưng chắc chắn phải nhờ đến bốn việc, nếu thiếu duyên giúp đỡ thì mong cầu sẽ trở ngại trong việc mở mang Phật pháp hóa độ chúng sanh; tiếp đó là dạy cho biết dùng ít công sức mà có nhiều duyên giúp đỡ, cho nên có phẩm Đại cát tường Thiên nữ.

Người trì kinh tuy tự mình dôi dào về bốn sự không nhờ bên ngoài cầu mong, nhưng người nghe cũng cần phải cúng dường, hạnh học nghèo thiếu thì tâm mong cầu không toại nguyện, phước cao quý không nhờ đâu được sinh, cho nên chỉ dạy phương pháp để có đầy đủ phước, khiến nương theo để truyền bá Thánh giáo, vì thế có phẩm Đại Cát Tường Thiên Nữ Tăng Trưởng Tài Vật.

Cho dù tài vật đầy đủ, năm thứ lúa cốc dôi dào nhưng e rằng chẳng phải loại thơm ngon, muốn làm cho xứ sở truyền bá kinh điển có những ý vị tinh khiết thơm tho, do đó có phẩm Kiên Lao Địa Thần. Đồng thời truyền bá kinh điển lợi ích chúng sinh cần phải nhờ vào trí tuệ, thấu rõ tục, chân thường sinh đường lành, vì dạy cho được hai nhân này cho nên có phẩm Tăng Thận-nhĩ-da Được-xoa Đại Tướng.

Lại còn thế lực của vua chúa có thể làm tổn hại đến lợi ích, nếu không thích hợp đạo lý thì nhiều tai biến sẽ phát sinh, các tà tâm lớn mạnh khó nghe được giáo pháp này, cần phải nhắc nhở các vua chúa chấn chỉnh đạo lý, mở mang kinh này, vì vậy có phẩm Vương pháp chánh luận. Tuy nói nhiều về hạnh nhưng e rằng không nương theo thực hành, nêu nhân xa xưa của mình khuyên gắng hội chúng lúc ấy, do đó có phẩm Thiện Sinh Vương.

Tuy có nêu ra việc trước đây để khuyên bảo hội chúng lúc ấy nhưng e rằng không chuyên tâm thường xuyên khích lệ tu học, lại nói

về khuôn phép tu học, nêu ra những việc trước kia để mở rộng công năng, lại biết rõ ý nghĩ kiên định cao xa đó của đại hội, cho nên có phẩm Chư Thiên Được-xoa Che chở. Vì nói lên lợi ích rộng lớn của kinh được ích lợi rất nhiều, người nghe được chứng quả thọ ký Bồ-đề, nên càng làm rõ sự thọ ký đó. Nếu không thọ ký thì đại chúng sẽ nghi ngờ không thể nhất quyết tu học, cho nên nói sẽ thọ ký làm cho kính mến tu hành, vì vậy có phẩm Thọ Ký.

Mười ngàn vị Thiên tử tạm thời được nghe kinh, được Phật thọ ký, chúng sinh nghi ngờ gieo trồng gốc lành gì mà được thọ ký Bồ-đề? Vì sao Thế tôn nói pháp cho họ nghe? Cho nên nói về nhân duyên đã qua, có phẩm Trừ Bệnh và phẩm Lưu Thủy.

Đại chúng nghe việc Đức Thế tôn ở đời quá khứ chữa bệnh cứu cá bằng cách cho nước, cho rằng tu ít hạnh được chứng Bồ-đề. Phật nói rộng ra cho họ nghe, chẳng những chút ít như vậy mà trải qua nhiều vô lượng, sơ lược nêu ra một đời khổ hạnh bố thí thân cho cọp ăn, cho nên có phẩm Xả thân. Đại chúng nghe pháp thâm diệu lại nghe các nhân khổ hạnh, trong đại hội ai cũng vui mừng. Vì thế trước tiên Bồ-tát ở các cõi khác khen ngợi cho nên có phẩm Thập Phương Bồ-tát Tán Thán.

Các cõi khác khen ngợi xong thì Bồ-tát và các trời đất thánh thần ở cõi này cũng lại cùng nhau khen ngợi, cho nên có phẩm Diệu Tràng Bồ-tát Tán Thán và hai phẩm Bồ-đề Thọ Thần Tán Thán, Đại biện Tài Thiên Nữ Tán Thán.

Nói về việc khen ngợi xong đích thân được thọ ký, dạy phải thực hành, đại chúng vâng theo thực hành cho nên có phẩm Phú Chúc. Y theo chín phẩm này làm Chánh tông của kinh, sơ lược nêu ra đại ý, trình bày về thứ lớp, sự khác nhau trong đó không phải không có nghĩa khác. Y theo hai mươi tám phẩm làm Chánh tông của kinh, thứ lớp đều theo đúng.

Thứ đến giải thích theo văn khoa:

Kinh có ba mươi mốt phẩm, Đại sư Chân-đế chia ra làm ba phần:

1. Một phẩm là Tựa phần, mười chín phẩm là Chánh thuyết, hai phẩm cuối thuộc phần Lưu thông. Trong phẩm Tán Thán Phật nói về các đại sĩ ở các cõi khác trở về cõi của mình mà khen ngợi Đức Phật đó.

2. Văn mới nói về đại sĩ cõi này khen ngợi Đức Phật ở cõi này, nói pháp xong rồi Bồ-tát các cõi khác trở về các cõi mới nói phẩm này, cho nên chẳng phải là chánh thuyết, vì vậy phẩm này là do đại chúng lãnh hội khen ngợi người năng thuyết mà thôi, chẳng phải là ý chính

của kinh.

- Phẩm Như lai Phú chúc là pháp được mở rộng, chính là phần Lưu thông.

Hỏi: Các cõi khác quay về khen ngợi được trình bày ở sau phần Chúc Lụy, vì sao phẩm phú chúc đặt sau phẩm Tán Phật?

Giải thích rằng: Phải như vậy, nhưng đưa ra phần kiết tập, hợp hai phẩm này cùng một nơi, Chúc lụy phụng hành ở cuối cùng. Ở đây theo “bản dịch mới”:

Đầu tiên Bồ-tát các cõi khen ngợi Đức Như lai này, không phải là về nơi đó mà khen ngợi Đức Phật ở đó. Hiện tại có hai giải thích: Một nói rằng: “Một phẩm thứ nhất xưa nay giống nhau, từ phẩm Thọ lượng đến phẩm Y Không Mãn Nguyện, chín phẩm này là phần Chánh tông của kinh, hai mươi một phẩm còn lại là phần Lưu thông. Vì sao? Vì ý của tất cả các vị như Diệu Tràng muốn nghe về quả và nhân của Bồ-đề; Trần-như nghi tình tuổi thọ vô cùng như thế nào, lại nói về việc nhập Niết-bàn, thỉnh nói về nghĩa chân thật của Niết-bàn, không như vậy bốn lần Phật đã vì Diệu tràng nói về lý do của Niết-bàn rồi. Vì sao Trần-như lại thỉnh Xá-lợi?”

Cho nên vì nói về nghĩa Niết-bàn mà nêu câu hỏi ấy. Do đó trong bản dịch xưa nói rằng: “Như Đức Thế tôn nói về nghĩa ấy con đã nghe biết, vì vậy cúi xin Như lai mở rộng phân tích nghĩa chân thật, cầu Xá-lợi mở cửa phương tiện”. Bản hiện nay vẫn sau nói rộng về nghĩa chân thật của Niết-bàn, bản xưa không có nói. Đã nghe Đức Phật nói về Tuổi thọ vô biên, Phật có ba thân nhưng chưa biết chỗ khác nhau, lại muốn thưa hỏi Phật tu học, vì Trần-như không hiểu sự khác nhau đó nên không biết nhân quả của sự chứng đắc. Trước tiên Đức Phật nói về ba thân khác nhau, tiếp đến dạy cho tu học. Tu học chính là dứt ác làm lành, dứt ác tức là sám hối tiêu trừ nghiệp chướng, tu thiện tức là y theo năm địa vị ba kỳ kiếp tu tập mười hạnh thù thắng, hạnh nương vào cảnh mà phát khởi. Phải biết rằng sau tục, chân lại tiếp tục trình bày về tánh của hai Không, Không, Hữu cùng tu tập, y theo Không mà đầy đủ các nguyện, vì vậy hạnh đầy đủ, quả hoàn thiện, cho nên chánh tông của kinh ý là ở đây.

Từ phẩm Tứ Thiên Vương Quán Sát Nhân Thiên trở xuống v.v... chỉ quán sát sự trì tụng, truyền bá kia, cho nên tất cả nơi chốn đều tham gia bảo vệ giữ gìn, thêm nhiều tài vật, khéo léo biện tài, giúp đỡ trí tuệ, tiêu trừ tai chướng, nói mình để khuyến khích người, ý khiến cho thực hành tu học, Bồ-tát nghe khen ngợi, được Như lai phú chúc, đều là phần

Lưu thông.

Tuy nhiên về sau mới có thọ ký Bồ-đề cho các vị như Diệu tràng, ý là nói về ích lợi của kinh, được thọ ký sẽ thành tựu, thường khuyến khích khơi bày cho đại chúng nương theo để tu học. Vì không như vậy cho nên trước là nói phẩm Thọ lượng cho đến hết phẩm Liên Hoa Dụ Tán liền thọ ký cho, vì sao đợi nói xong phẩm Chư Thiên Được-xoa Che chở mới thọ ký cho? Từ lý do này nên biết là thuộc về phần Lưu thông”.

Nhưng truyện Pháp Sư Chân-đế nói: “Nếu từ phẩm Tứ Thiên vương trở xuống xếp vào phần Lưu thông, điều này thật sai lầm. Vì sao tuổi thọ là nói về quả của Đức Thích-ca, làm sao thuộc về chánh thuyết? Thọ ký nói về quả của đệ tử, làm sao thuộc về phần lưu thông? Thiện tập, Xả thân nói về liễu nhân của Đức Thích-ca, sao bỗng nhiên lại là lưu thông? Các phẩm Sám hối, Không v.v... nói về liễu nhân của đệ tử, vì sao lại thuộc chánh thuyết? Còn phẩm Tam thân nói chung về chánh nhân của xuất gia và tại gia, làm sao là chánh thuyết? Vì vậy từ phẩm Thọ lượng cho đến phẩm Xả thân nói tóm lại là Chánh tông”.

Người dịch ngày nay giải thích rằng: “Phẩm Thọ lượng tuy thuộc về quả của Đức Thích-ca nhưng chính là sở cầu. Phẩm Thọ ký tuy nói về quả của đệ tử nhưng ý là truyền bá kinh điển, nói rõ ích lợi để khuyến khích đại chúng, do đó thuộc phần lưu thông. Các phẩm Sám Hối v.v... tuy đúng là nhân nói cho đệ tử, nhưng nói về quả chính là bất chước theo khiến cho thực hành nhân.

Các phẩm Tịnh Địa v.v... bao gồm nhân của các Đức Phật, không chỉ có đệ tử ngày nay. Cho nên các phẩm Sám hối v.v... thuộc về chánh thuyết, các phẩm Xả thân v.v... nói về việc quá khứ, nêu mình để khuyến khích người, chẳng phải bây giờ mới bắt đầu tự thực hành tu học, cho nên thuộc về lưu thông. Không như thế thì phẩm Liên Hoa Dụ Tán, Tán Phật Công Đức tức là chánh tông, Bồ-tát tán Phật vì sao lại thuộc về lưu thông? Còn như các phẩm Tứ Thiên Vương v.v... Đức Thế tôn chỉ dạy che chở các vị ấy, y theo chỉ dạy che chở chính là chánh tông; phú chúc cũng là dạy phải thực hành, sao lại thuộc lưu thông? Do phẩm Thọ Ký này tuy nói về quả tương lai, xả thân nói về nhân xa xưa, là khuyến khích đời sau cho nên thuộc về lưu thông”.

Thứ 1: PHẨM TỰA

Trong phẩm Tựa có bảy thứ tròn đầy:

1. Tựa tròn đầy.
2. Tam-muội tròn đầy.
3. Thính chúng tròn đầy.
4. Thuyết nhân tròn đầy.
5. Thuyết thời tròn đầy.
6. Thấm cơ tròn đầy.
7. Tiêu thuyết tròn đầy.

- Trong Tựa tròn đầy có hai loại thặng, đó là thành hơn thành khác, núi hơn núi khác, nói lên pháp môn và công đức trong kinh này là thù thặng, như Luận Pháp Hoa giải thích: Tam-muội tròn đầy, như trong kinh nói, các pháp giới sâu xa thanh tịnh nhất. Luận Phật Địa, quyển hai chép: “Đạt đến Vô nhị trú của Phật tức là đến bờ kia”. Cho nên giải thích rằng: “Phật vô nhị trú tức là pháp thân chân như là thể, không có sự khác nhau, không hiện hành trong tất cả hai tướng phân biệt, duyên vào định cao quý và an trú trong đó, vì vậy gọi là trú, tức là Vô nhị trú là đến bờ kia. Đức Phật đã đạt đến cùng tận cho nên gọi là Đắc. Ý này chính là hiển bày pháp thân chân như không có thể riêng, chỉ khác nhau về Tánh và Tướng. Và khi chứng đến tận cùng gọi là đắc pháp thân; chân lý là rốt ráo nên gọi là đến bờ kia; do định đại trí thường duyên với sự chứng đắc nên gọi là trụ.

Đối Cơ bày tướng trở xuống, nói: “Lúc xế trưa xuất định, nếu chẳng phải định này thì từ định nào mà khởi?”. Nguyên muốn được nghe nói về Nhân Tròn đầy, như kinh. Cùng với thính chúng là các đại Bí-sô v.v... tròn đầy.

Quán sát đại chúng là xét cơ tròn đầy, nếu Phật nói pháp thì hẳn dùng từ tâm bình đẳng mà quán, nhìn xem căn cơ chủng tánh của chúng sinh kia có ưa thích muốn nghe không, rồi theo đó khiến cho tất cả mọi người đều thấy rằng chỉ nghe nói cho mình. Nói tụng rằng trở xuống tức là phần nêu thuyết tròn đầy.

Bảy thứ tròn đầy này chia làm hai tựa: Từ loại đầu đến loại thứ ba gọi là tựa chung, cũng gọi là Chứng tín, còn lại là tựa riêng, cũng gọi là Phát khởi.

Hỏi: Trú định biệt tựa nên nói ở phần sau, vì sao lại nói chung với các loại trước, nói không thứ lớp như vậy?

Đáp: Bởi vì thân tâm đều an trú nên gọi là Trú. Lại vì hai nghĩa

hợp thành một nơi để nói.

Tựa chung có năm phần, như luận Phật Địa có phân định.

Văn kinh: Tôi nghe như vậy: Một thời, Đức Bạc-già-phạm ở tại đỉnh núi Linh thú trong thành Vương-xá.

Tán rằng: Đây là tựa chung, văn đầu tiên trong bốn phần văn. Thứ tư nói về Xứ lại có hai thứ:

1. Sắc thân trú xứ.
2. Pháp thân trú xứ.

Thành Vương xá v.v... ở đây là sắc thân trú xứ.

Lại Cộng và Bất cộng. Thành Vương xá v.v... là nơi Thánh phàm ba thừa cùng cư trú.

Phần dưới nói về các Đức Phật không cùng cư trú. Cùng cư trú trước đây suy rộng như trong pháp hoa sơ của Từ Ân có phân tích.

Hỏi: Cần gì phải nói về xứ?

Đáp: Trong luận Công Đức Thí Bồ-tát Bát-nhã chép: Khiến cho biết nơi Thế tôn đến, khiến phát sinh cung kính tôn trọng trở thành phước cao quý.

Trí luận chép: Nói về thời, phương, do khiến cho phát sinh lòng tin. Ứng hợp hai nghĩa cũng thật là hay.

Văn kinh: Như lai cư trú trong pháp giới sâu xa thanh tịnh nhất của các Đức Phật.

Tán rằng: Nói về chỗ pháp thân Phật cư trú, phân y chỉ thành tự, tức là phần Tam-muội thành tự. Vì sao phải hiện phần Tam-muội như vậy?

Đáp: Như luận Kinh Pháp Hoa và luận Bát-nhã của Bồ-tát Vô Trước nói: Lìa hai chướng nên gọi là thanh tịnh nhất, không chung với hai thừa nên gọi là sâu xa, tự tánh các pháp gọi là pháp giới, tức pháp giới này là cảnh trí sở duyên của các Đức Phật. Bên tánh công đức tức là cõi Phật, pháp thân sở y là chỗ an trú của Như lai. Do đó, kinh Giải Thâm Mật, quyển năm, chép: “Như lai sở hành là tất cả thứ Như lai cùng có, đó là vô lượng công đức không thể suy nghĩ bàn luận, trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật. Tức là tướng bên nghĩa công đức gọi là tự tánh pháp thân, bởi vì tướng công đức tức là y theo chân như vậy, không lìa tánh nên gọi là trú”.

Hoặc trong Trí nội chứng gọi là Như lai Cư. Còn trong luận Phật Địa chép: “Phật không có hai trú, tức là pháp thân chân như, là tự thể không có tướng khác nhau”.

Lại giải thích rằng: “Chân như lìa chướng gọi là thanh tịnh nhất...”

tức là Năng Chứng Trí thường chứng Như nên gọi là Trú”.

Vì vậy luận Phật Địa, quyển hai chép: “Đối với tất cả hai tướng phân biệt đều không hiện hành, duyên nơi thắng định kia thường trú trong đó nên gọi là trú”.

Trú tức là nghĩa cư. Tại sao phải nói về hai thứ trú xứ?

Đáp: Vì muốn hiển bày ba thân chẳng phải tức, chẳng phải lia.

Hỏi: Theo văn sau nói về tuổi thọ Như lai tại thất Diệu tràng, vì sao ở tựa chung chỉ nói Thứu sơn.

Đáp: Theo văn thì từ Diệu tràng đến chỗ Đức Thích-ca đối trước Phật nhắc lại, Như lai ẩn khả, A-nan được nghe cũng gọi là Phật nói. Do đó khi kết tập chỉ nói trú nơi thành Vương xá. Còn ở Tịnh độ kia, hàng ba thừa không thể thấy được; ở đây, chỉ nói theo chỗ cùng thấy, đó là thành Vương xá.

Lại nữa, người xưa giải thích rằng: Bốn thời ba chỗ. Bốn thời:

1. Lúc bốn Như lai ở tại thất Diệu tràng.
2. Lúc Thế tôn ở tại Thứu phong.
3. Lúc Diệu tràng cũng đến nơi của Phật.
4. Lúc từ cõi khác trở về cõi nước mình.

Thất Diệu tràng ở Thứu sơn và tha phương cho nên nói bốn thời ba chỗ.

Người đời nay giải thích rằng: Chỉ là một thời một chỗ. Bởi vì Diệu tràng nghe bốn Đức Phật nói, cùng với đại chúng hướng đến chỗ Phật lần lượt nói lại. Bồ-tát mười phương đều khen ngợi Đức Phật này, chẳng phải hướng về cõi khác khen ngợi Như lai kia, cho nên chỉ một thời một chỗ. Nếu không như thế thì ở tại thất mộng thấy trống vàng thức dậy thưa với Đức Phật, tức là phải năm thời bốn chỗ.

Lúc mộng thấy trống vàng không nói thất tịnh, lúc nói tuổi thọ trở thành thất tịnh, nên là hai chỗ. Lúc mộng lúc nói sớm chiều khác nhau, kia đã không khác là thời, biết rõ ở tại thất bốn Như lai nói, không thể phân biệt là thời, chỗ. Hoặc có thể, hai thời hai chỗ. Diệu tràng ở tại thất mộng thấy không đối trước Đức Phật, không thể gọi là nói, vì vậy không phải là thời, chỗ.

Còn bốn Như lai ở tại thất Diệu tràng nói về tuổi thọ của Phật cho nên là thời, chỗ. Nhưng giải thích trước hợp lý hơn. Bởi vì A-nan xưng là tôi nghe “bốn Đức Phật nói về tuổi thọ”.

Lúc A-nan ở chỗ Đức Phật Thích-ca, không thể nói là tôi nghe. Nếu vậy thì như kinh Kim cương Hoa nói: “Tỳ-kheo A-nan đạt được Tam-muội Pháp tánh giác tánh tự tại vương, nhờ năng lực Tam-muội

mà biết rõ các kinh Phật đã nói đều luôn luôn nhớ giữ”.

Còn trong kinh Quán Phật Tam-muội chép: “A-nan nhân nghe Đức Phật nói về niệm Phật, A-nan thấy Đức Phật liền nhớ đến kinh tạng của chín mươi ức Đức Phật đời quá khứ đã nói”. Nhớ kỹ không quên nay cũng đâu ngần ngại, Phật lực gia bị thấy Phật nghe kinh, đều thường ghi nhớ có thể nói là tôi nghe.

Đáp rằng: Không đúng. Nói về những kinh đó đều do xưa kia đã từng nghe, được các năng lực khác che chở thêm, cho dù luôn nhớ kỹ không quên, chẳng phải là người chưa nghe. Nay tại thất Diệu tràng bốn Đức Như lai nói, A-nan chưa nghe cho nên không thể nghĩ nhớ, duyên theo cảnh đã từng thọ nhận mới nói là nhớ.

Văn kinh: Cùng chúng đại Tỳ-kheo chín mươi tám ngàn vị.

Tán rằng: Giáo trùm khắp các căn cơ, phần chúng thành tựu có chia làm năm phần môn:

1. Nguyên nhân.
2. Quyền thật.
3. Bao nhiêu.
4. Hữu vô.
5. Giải thích văn.

Nguyên nhân có năm, như bản Kinh Pháp hoa Sở; lại theo luận kinh Đại luận kinh bảo tích: “Có ba việc nên xếp vào chúng Thanh văn:

1. Đối với Đại thừa có nghi ngờ, khiến cho dứt trừ.
2. Có bất định, giúp cho thành tựu chánh tín.
3. Trừ tâm sở tác dĩ biện, khiến dứt trừ trí chướng, đạt được quả

báo bậc thượng.

Vì có năm việc nên xếp vào chúng Bồ-tát:

1. Dứt nghi.
2. Ích lợi cho các hữu tình ở cõi này.
3. Khiến cho biết cõi khác có vô lượng Phật, khiến sinh tâm khao khát kính mến muốn được gần gũi.
4. Do Đức Thích-ca hóa độ.
5. Nói lên vì pháp từ các cõi xa xôi khác đến đây.

Các vị Bồ-tát này đã đạt đến địa vị Phật còn vì pháp mà đến, huống là đối với những hạng người còn lại.

Nói về Quyền thật: Theo luận kinh Phật địa chép: “Lúc Đức Thích-ca Mâu-ni nói kinh này, đại chúng Địa tiền thấy thân biến hóa ở cõi uế này vì họ nói pháp, đại chúng Địa thượng thấy thân thọ dụng ở

Tịnh độ Phật vì họ nói pháp, nghe tuy đồng mà thấy đều khác nhau.”

Theo văn kinh này đã ở cõi uest vì chúng Địa tiền, tức Thanh văn là thật; các Đại Bồ-tát ứng ở Tịnh độ, cũng xếp vào trong cõi uest, tức là biến hóa. Nếu không như vậy thì các vị Đại Bồ-tát này từ Địa thứ tám trở lên thọ thân biến dịch, làm sao hữu tình cõi này thấy được.

Lại giải thích: Nói kinh này, Đức Phật đã dùng cả hai thân Biến hóa và Tha thọ dụng, do đó các vị Bồ-tát nếu thật thân thường ở nơi Tịnh độ Phật nghe kinh, người kiết tập không thể nêu ra cả hai, chỉ nói cõi ba thừa cùng thấy. Hoặc cõi rất thanh tịnh nơi Như lai an trụ, rõ ràng Bồ-tát đồng có khả năng trí chứng cũng ở cõi kia, tức thuộc về tịnh độ. Nhưng các vị Thanh văn theo luận Nhập Đại Thừa thì một ngàn hai trăm vị đều là biến hóa.

Theo nhiếp Đại thừa thì các vị như Xá-lợi-phất có ba loại:

1. Tánh bất định.
2. Tánh nhất định.
3. Biến hóa.

Luận chép: “Vô lượng vị Xá-lợi-phất cùng tên gọi, cho nên biết có nhiều loại”.

Lại trong luận Bồ-đề Tư Lương chép: “Kinh Pháp Hoa có chép Xá-lợi-phất là do Phật, Bồ-tát biến hóa ra”.

Đều là hóa. Kinh Pháp Hoa, quyển hai chép: “Xưa kia, ta từng ở chỗ hai mươi ức Đức Phật đều giáo hóa ông, nay ông quên hết rồi” tức là tánh bất định.

Luận Kinh Pháp Hoa chép: “Là hai loại Thanh văn, trừ tánh quyết định và tăng thượng mạn, vì căn cơ chưa thành thực”.

Nay hội kinh này hoặc có thể có cả ba, các chúng còn lại quyền thật khó biết.

Kế là bao nhiêu: Sơ chúng thành tựu gồm có mười tám:

1. Chúng Thanh văn.
2. Chúng Bồ-tát.
3. Chúng Ly-xà-tỳ.
4. Chúng chư Thiên.
5. Chúng Long vương.
6. Chúng Dược-xoa tứ vương.
7. Chúng Yết-lộ-trà.
8. Chúng Hương tượng vương.
9. Chúng Kiền-thất-bà.
10. Chúng A-tu-la.

11. Chúng Khẩn-na-la.
12. Chúng Mạc-hô-lạc-già.
13. Chúng chư Thần.
14. Chúng chư Tiên.
15. Chúng Nhân vương.
16. Chúng Hậu phi.
17. Chúng Cận sự nam.
18. Chúng Cận sự nữ.

Đây là chúng ban đầu. Lại có bốn chúng:

1. Dưới đây nói: Bồ-tát Diệu tràng cùng vô lượng trăm ngàn Bồ-tát và vô lượng ức Na-dữu-đa trăm ngàn chúng sinh, tất cả cùng đến trên núi Thửu phong; đây là chúng nghe thọ lượng.

2. Phẩm Diệt Nghiệp Chương chép: Lúc Đế-thích cùng tất cả thiên chúng và hằng hà nữ thần, cùng các đại chúng nhờ ánh sáng ít có đều đến chỗ Phật, đây là chúng muốn nghe sám hối.

3- Phẩm Thọ Ký chép: Lúc sắp thọ ký cho các vị Bồ-tát như Diệu tràng thì có mười ngàn vị Thiên tử, từ cõi trời đến đây muốn được thọ ký; đây là Chúng muốn được thọ ký.

4. Phẩm Thập Phương Bồ-tát Tấn Thán chép: Lúc nói kinh này ở các thế giới mười phương có vô lượng trăm ngàn muôn ức chúng Bồ-tát, đều từ cõi nước của mình đến núi Thửu phong nghe kinh khen ngợi Đức Phật, đây là Chúng nghe kinh khen ngợi.

Bốn là Hữu vô:

1. Trong chúng ba thừa không có chúng Độc giác.
2. Trong bốn bộ chúng không có chúng Tỳ-kheo-ni.
3. Trong hai vương không có chúng Luân vương.
4. Trong sáu đường không có chúng địa ngục.
5. Trong ba cõi không có chúng hai cõi trên, nhưng theo văn sau: Trời, người cõi Dục và cõi Sắc trong thất của Bồ-tát Diệu tràng lại cùng đến nhóm hội có chúng cõi Sắc.

Còn cuối phẩm mười lăm có chúng Tỳ-kheo-ni.

Hỏi: Nói kinh Nhân Vương Bát-nhã có chúng Độc giác và các tầng trời Vô sắc, nói kinh Pháp Hoa có hai hạng vương, đó là Kim Luân và Túc Tấn, nói kinh Đà-la-ni có chúng địa ngục, hội này sao không có?

Đáp: Có lẽ lược bỏ không bàn đến. Ý theo thực tế nên có thể có, như Tỳ-kheo-ni ở phẩm Tựa không xếp vào, xưa kia Kim Quang Minh nói chung không liệt kê chúng, há có thể không có sao? Hai là nói rằng:

Tỳ-kheo-ni và cõi Sắc ban đầu tuy không xếp vào nhưng vẫn sau nói có; Độc giác, Luân vương, địa ngục, Vô sắc ở trên vẫn sau không có, hoặc thời chưa thành thực, hoặc không thể thực hành cho nên không ghi vào.

Thứ là y theo văn giải thích: trước nêu ra mười tám chúng, sau nói về oai nghi. Trong phần trước lại có hai:

Đầu tiên nêu ra riêng sáu chúng, tiếp đó gồm nêu lên số còn lại; mười hai chúng hoặc có thể chia làm hai: Đầu tiên nêu ra Thánh chúng, sau nêu ra phàm chúng.

Trong phần nêu Thánh chúng, thứ nhất chúng Thanh văn, văn chia làm bốn:

1. Nêu loại và số.
2. Khen ngợi công đức.
3. Nêu tên gọi.
4. Nói về đến chỗ Phật.

Trước tiên nêu loại và số như bản Pháp hoa sơ có nói.

Văn kinh: Đều là bậc A-la-hán thường khéo điều phục như Đại tượng vương các lậu đã dứt sạch, không còn phiền não.

Tán rằng: Khen ngợi công đức theo luận Kinh Pháp hoa có mười sáu câu. Khen ngợi công đức La-hán. Nay kinh này thứ lớp văn tuy khác nhưng đại ý là giống nhau. Theo luận đó giải thích là mười sáu câu, luận ấy trích kinh nói: Đều là bậc A-la-hán các lậu đã sạch, không còn phiền não, được tự tại chân thật tức kinh này nói đạt được đại tự tại.

Khéo được tâm giải thoát, khéo được tuệ giải thoát, tức kinh này nói tâm khéo giải thoát, tuệ khéo giải thoát. Tâm khéo điều phục tức kinh này nói có công năng khéo điều phục. Cũng như Đại long vương tức kinh này nói như Đại tượng vương. Đã làm những việc phải làm tức kinh này nói trú thanh tịnh giới. Dĩ biện sở biện thì kinh này nói việc đã làm xong, bỏ các gánh nặng, đến được tự lợi, sạch các hữu kiết. Khéo đạt được chánh trí tâm giải thoát tức kinh này nói chứng đạt tám giải thoát. Đốc lòng tự tại tức kinh này nói khéo léo phương tiện trí tuệ trang nghiêm. Khéo léo phương tiện cũng thuộc về trí tuệ cho nên là rất ráo bậc nhất.

Đã đến bờ kia là kinh này nói đã đến bờ kia. Luận ba lần giải thích: Thứ nhất thượng thượng khởi môn, thứ hai tổng biệt tướng môn, thứ ba nhiếp lấy sự môn. Thượng thượng khởi môn: Nay tạm thời dựa theo luận chỉ ra phối hợp với văn đó, giải thích đầy đủ như Pháp hoa sơ giải. Hoặc do câu trên nên câu dưới được hiển bày, hoặc do câu dưới

mà câu trên được hiển bày, chẳng phải duy nhất cho nên gọi là thượng thượng khởi. Theo luận nay sẽ dùng câu thứ tư giải thích câu thứ nhất, dùng câu thứ sáu, thứ bảy giải thích câu thứ hai như Đại tượng vương, dùng câu thứ chín, thứ mười giải thích câu thứ ba, dùng câu thứ mười hai giải thích câu thứ tư, dùng câu thứ tư giải thích câu thứ năm.

Văn kinh: Tâm khéo giải thoát, tuệ khéo giải thoát, việc đã làm xong, bỏ các gánh nặng đến được tự lợi.

Tán rằng: Theo luận hai loại tâm giải thoát tuệ giải thoát trong văn, không dùng câu nghĩa trên dưới để giải thích. Việc đã làm xong theo luận thì ngay nơi câu tự giải thích. Bỏ các gánh nặng theo luận ở đây sẽ liên kết trên dưới để giải thích, dùng câu thứ tám, câu thứ mười ba để giải thích. Đến được tự lợi theo luận này sẽ dùng câu thứ chín giải thích câu thứ mười.

Văn kinh: Sạch các hữu kiết, được tự tại hoàn toàn, trú giới thanh tịnh, khéo léo phương tiện trí tuệ trang nghiêm, chứng đạt tám giải thoát, đã đến bờ kia.

Tán rằng: Sạch các hữu kiết theo luận ở đây nên dùng câu thứ mười giải thích. Câu thứ mười một được đại tự tại này theo luận lần lượt ứng với câu thứ tư. Nay ở câu thứ mười hai dùng bốn câu: thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy để giải thích.

Câu thứ mười hai trú thanh tịnh giới là theo luận lẽ ra phải là những việc phải làm đã làm xong. Giới học trọn vẹn thuộc về đạo đế, tức tịnh giới này là điều cần phải thực hành, theo luận cho rằng câu tự giải thích. Khéo léo phương tiện trí tuệ trang nghiêm hợp thành một câu. Vì cùng nhân trí y theo luận lẽ ra phải là dốc lòng tự tại.

Luận nói khéo vượt qua trí thấy đạo tu đạo, câu sẽ tự giải thích. Chứng được tám giải thoát y theo ở đây phải dùng câu thứ tư để giải thích. Câu thứ mười lăm đã đến bờ kia y theo luận ở đây phải dùng câu thứ mười lăm để giải thích. Câu thứ mười sáu theo đúng thì phải có bốn câu, vì câu dưới hướng lên câu trên để giải thích, nghĩa là câu thứ nhất dùng câu thứ tư để giải thích, câu thứ hai dùng câu thứ sáu, thứ bảy để giải thích, câu thứ ba dùng câu thứ chín, thứ mười để giải thích, câu thứ tư dùng câu thứ mười một để giải thích.

Kinh có sáu câu là câu trên hướng xuống câu dưới để giải thích, đó là câu thứ năm dùng câu thứ tư để giải thích, câu thứ mười dùng câu thứ chín để giải thích, câu thứ mười một dùng câu thứ mười để giải thích, câu thứ mười hai dùng câu thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy để giải thích, câu thứ mười lăm dùng câu thứ tư để giải thích, câu thứ mười

sáu dùng câu thứ mười lăm để giải thích.

Có ba câu sẽ tự giải thích, đó là việc phải làm đã làm xong, trú giới thanh tịnh, khéo léo phương tiện trí tuệ trang nghiêm. Có hai câu không giải thích, đó là tâm khéo giải thoát, tuệ khéo giải thoát. Có một câu nối liền trên dưới để giải thích, đó là bỏ các gánh nặng. Bài tụng nói: Ở dưới giải thích ở trên có bốn câu, ở trên giải thích ở dưới có sáu câu, ba câu đơn, hai câu không giải thích, một câu chung cho trên dưới. Về Tổng biệt tướng môn: Đầu tiên A-la-hán là nghĩa Tổng ứng, mười lăm câu sau là nghĩa Biệt ứng. Do người Vô học thành mười lăm khác nhau ứng nghĩa ở dưới gọi là A-la-hán.

Nhưng theo luận thì vẫn theo thứ lớp khác nhau, lấy ý của luận đó dựa vào thứ lớp này để giải thích mười lăm ứng:

1. Ứng không nhanh không chậm; nói pháp như pháp tướng ứng, không mệt mỏi cho nên như kinh nói có khả năng khéo điều phục.
2. Ứng tĩnh tọa nơi vắng lặng; thức ăn, đồ nằm, y phục tất cả của cải vật chất không chứa để, không gom góp, ít muốn biết đủ, cho nên như kinh nói như Đại Tượng Vương, tức là như kinh khác nói như đại long vương.
3. Ứng thọ các thứ thức ăn, đồ nằm cứng dường cung kính v.v... cho nên như kinh các lậu hoặc đã dứt bỏ.
4. Ứng giáo hóa tất cả đại chúng cho nên như kinh không còn phiền não.
5. Ứng hàng phục các thứ ngoại đạo cho nên như kinh nói tâm khéo giải thoát.
6. Ứng dùng trí tuệ mau chóng quán sát các pháp cho nên như kinh nói tuệ khéo giải thoát.
7. Ứng thực hành thánh hạnh không cho nên như kinh việc đã làm xong.
8. Ứng thực hành thánh hạnh vô tướng cho nên như kinh nói bỏ các gánh nặng.
9. Ứng thực hành thánh hạnh vô nguyện cho nên như kinh nói đến được tự lợi.
10. Ứng thực hàng phục tâm thiền tịnh thế gian cho nên như kinh nói sạch các hữu kiết.
11. Ứng vào trong các thôn xóm thành thị cho nên như kinh nói được tự tại hoàn toàn, tức là bản kinh dịch phần thứ tư đạt được tự tại chân thật.
12. Ứng luôn luôn thực hành thiện hạnh không mê đắm các thiền,

cho nên như kinh nói trụ trong giới thanh tịnh.

13. Ứng chứng đạt công đức Đệ-nhất-nghĩa, cho nên như kinh nói khéo léo phương tiện trí tuệ trang nghiêm.

14. Ứng phát khởi các công đức thần thông cao siêu cho nên như kinh chứng đạt tám giải thoát.

15. Ứng biết như thật chúng đồng sinh, đạt được các công đức làm lợi ích cho tất cả các chúng sinh, cho nên như kinh nói đã đến bờ kia.

Tụng nói: “Trung, tĩnh, thọ, tương, phục, dĩ, không, tướng, nguyện, hàng, nhập, hưởng, chứng, khởi thông, như thật ứng, mười lăm”. Nhiếp lấy sự môn: Theo luận Pháp hoa thì nhiếp lấy có mười thứ công đức, ở đây là mười một. Bởi trong các công đức loại thứ hai nhiếp lấy thuộc về ba câu, chia ra làm hai:

1. Hàng phục thế gian.
2. Hàng phục xuất thế gian.

Ở đây thứ lớp không giống với luận đó, mở rộng loại thứ hai thành hai công đức, vậy là gồm mười một loại:

1. Nhiếp lấy công đức không trái, thuận theo giáo hạnh của Như lai, như kinh có khả năng khéo điều phục.

2. Nhiếp lấy công đức thù thắng, như kinh như đại tượng vương.

3. Nhiếp lấy công đức như kinh các lậu đã dứt sạch không còn phiền não.

4. Nhiếp lấy công đức hàng phục người học xuất thế gian, như kinh tâm khéo giải thoát, tuệ khéo giải thoát.

5. Nhiếp lấy đầy đủ công đức, đầy đủ địa hữu học, như kinh việc đã làm xong.

6. Nhiếp lấy công đức vượt qua tất cả: Một là vượt qua ái; hai là vượt qua cầu mong cúng dường cung kính, ba là vượt qua cõi trên dưới đã qua địa hữu học; như kinh bỏ các gánh nặng đến được tự lợi, sạch các hữu kết.

7. Nhiếp lấy công đức hàng phục thế gian, như kinh nói được tự tại hoàn toàn.

8. Nhiếp lấy công đức cao quý, những việc phải làm, như việc cần làm đó là nương theo pháp cúng dường cung kính tôn trọng Như lai, như kinh nói trú trong giới thanh tịnh.

9. Nhiếp lấy công đức nên làm lợi ích cho chúng sinh, như kinh nói khéo léo phương tiện trí tuệ trang nghiêm.

10. Nhiếp lấy công đức thượng thượng, như kinh nói chứng đạt tám giải thoát.

11. Nhiếp lấy công đức thượng thủ, như kinh nói đã đến bờ kia.

Ở đây chỉ phối hợp sơ lược với văn kinh để giải thích văn như Pháp hoa số phân tích.

Tụng nói: “Bất vi, thắng, công đức, hàng, mãn, ba thứ lỗi, phục thế, việc nên làm, lợi ích, thượng thượng thủ”.

Văn kinh: Tên các vị đó là: Cụ thọ A-nhã Kiền-trần-như, Cụ thọ A-thuyết-thị-đa, Cụ thọ Bà-niết-ba, Cụ thọ Ma-ha-na, Cụ thọ Bà-đế-lợi-ca.

Tán rằng: Sau nêu ra tên gọi. Có hai: Đầu tiên nêu ra người Vô học, tiếp đến chọn lựa người Hữu học. Trong hàng Vô học nêu ra mười một vị, các kinh nêu tên trước sau không cố định, ở đây phần lớn y theo thứ lớp xuất gia. Như kinh Báo Ân nói, đây chính là năm vị Tỳ-kheo đầu tiên. Trước là nhân duyên cứu độ và giải thích nêu gọi là Trần-như, như Pháp hoa số. Nói Cụ thọ là đầy đủ hai thứ phước, tuệ, nhưng bản dịch xưa phần nhiều gọi là tuệ mạng, ở đây nói lên cả hai đều thành tựu cho nên nói là Cụ thọ.

A-thuyết-thị-đa: A-thuyết, Hán dịch là Mã, Thị-đa, Hán dịch là Thắng; cũng nói là A-thuyết-bà-thị-đa, tức là người xưa nói Tỳ-kheo Mã Thắng.

Bà-niết-ba, Hán dịch là Khí Tức.

Ma-ha-na-ma, Hán dịch là Đại Danh, là người con thứ hai của vua Cam Lồ Phạn, vua có hai người con: Một là A-nê-luật-đa, hai là Ma-ha-na-ma.

Bà-đế-lợi-ca, Hán dịch là Thiện Hiền, là người con thứ hai của vua Bạch Phạn; vua có hai người con: Một tên là Nan-đề-ca, hai tên là Bà-đế-lợi-ca.

Văn kinh: Đại Ca-diếp, Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp, Già-da Ca-diếp, Na-đề Ca-diếp, Xá-lợi Tử, Đại Mục-kiền-liên.

Tán rằng: Sáu vị này như bản Pháp hoa số ghi.

Văn kinh: Chỉ có A-nan-đà trụ nơi địa hữu học.

Tán rằng: Phân biệt với người Hữu học.

Văn kinh: Các vị Đại Thanh văn như vậy.

Tán rằng: Kết thúc sự khen ngợi. Vì có đủ công đức ở mười sáu câu trước nên gọi là Đại Thanh văn.

Văn kinh: Vào lúc xế chiều các ngài đều xuất định đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, đi vòng quanh bên phải ba vòng lùi lại ngồi về một phía.

Tán rằng: Thứ tư đến chỗ Phật, văn chia làm bốn:

1. Đến lúc.
2. Xuất định.
3. Đến chỗ Phật.
4. An trụ oai nghi.

Ngoài ra đều theo như ở đây.

Văn kinh: Lại có Bồ-tát Ma-ha-tát trăm ngàn muôn ức vị đều đến.

Tán rằng: Nói về chúng Bồ-tát, mạch văn cũng chia ra làm bốn. Đây là nêu số loại, cũng như bản Pháp Hoa Sớ, Đại Bát-nhã quyển bốn trăm tám mươi sáu nói rộng về từ ngữ Ma-ha-tát. Các kinh luận nói về số lớn nhỏ khác nhau. Ở đây phải nói là trăm phần ngàn muôn ức Bồ-tát.

Thứ đến là khen ngợi đức có hai mươi lăm câu, văn kinh chia làm hai mươi hai loại đức:

1. Đức cụ đại thần thông.
2. Đức danh cao tha ủy.
3. Đức tu nhân tròn đầy.
4. Đức hiện tướng lợi sinh.
5. Đức cụ biện thuyết pháp.
6. Đức ly chư chướng nhiễm.
7. Đức thiệu Phật bất đoạn.
8. Đức hàng phục ma oán.
9. Đức tột chư ngoại đạo.
10. Đức kế Phật tuyên dương.
11. Đức nghiêm tịnh Phật độ.
12. Đức tha lợi bất hư.
13. Đức tự lợi cụ nhẫn.
14. Đức thường nhiếp hữu tình.
15. Đức thị Phật bất diệt.
16. Đức hoàng thệ vô cùng.
17. Đức thâm thực thiện nhân.
18. Đức liễu pháp vô sinh.
19. Đức duyên cảnh bất cộng.
20. Đức thiện xảo hóa sinh.
21. Đức xiển dương thánh giáo.
22. Đức chứng pháp vô nghi.

Văn kinh: Có uy đức rộng lớn như đại long vương.

Tán rằng: Đức thứ nhất có đủ thần thông rộng lớn gọi là uy đức

rộng lớn, thường dứt trừ bất tín, luôn phát sinh gốc lành, giống như đại long, thường tuôn mưa đá dứt sạch bất tín, luôn rót mưa lành nảy sinh mầm thiện. Lại có uy lực, theo Du-già ba mươi bảy giải thích nhiều về uy lực, hoặc uy lực này là chung cho các câu, vì uy lực có nhiều loại.

Văn kinh: Tiếng tăm vang danh khắp nơi, mọi người đều biết.

Tán rằng: Đức thứ hai là tên tuổi vang lừng khắp vô lượng thế giới, tất cả chúng sinh đều biết.

Văn kinh: Thực hành giới thanh tịnh, thường ưa thích vâng giữ thọ trì.

Tán rằng: Đức thứ ba là thâm nhiếp toàn bộ sáu độ, nhân tu mới trọn vẹn; vô nhiễm tối thắng trong bảy tối thắng gọi là thanh tịnh, hoặc ba luân thanh tịnh như kinh Giải thâm mật v.v... Sáu Độ mỗi Độ đều có mười thứ thanh tịnh, rộng như kinh kia nói. Thường xuyên tu tập không bỏ gọi là ưa thích vâng giữ, tức là ý thường ưa thích. Bảy tối thắng, sáu ý lạc, mỗi thứ đều nêu ra một để nói những thứ còn lại.

Văn kinh: Nhẫn nại thực hành tinh phải trải qua vô lượng kiếp.

Tán rằng: Đại tánh tinh tấn trong bảy đại tánh, cũng thâm nhiếp cả điều khác.

Văn kinh: Vượt qua các tịnh lực, hệ niệm hiện tiền, khai thông trí tuệ, khéo tu phương tiện.

Tán rằng: Các Bồ-tát này từ Địa thứ tám trở lên niệm niệm gấp bội trước đây, và vượt qua hai thừa gọi là Siêu, thường ở trong định nên gọi là hệ niệm hiện tiền, phô diễn gương cao ngọn cờ giáo pháp gọi là mở rộng cửa tuệ.

Vì vậy luận Pháp Hoa chép: “Môn Trí tuệ đó gọi là A-hàm sâu xa”. Phân biệt thông hiểu gọi là khéo tu phương tiện. Lại nữa, các nguyện lực khéo tu phương tiện, hoặc lại tu tạo đầy đủ mười hai thiện xảo. Ý văn kinh này là thanh tịnh vâng giữ trải qua vô lượng kiếp đều liên kết với các độ. Sáu độ sơ lược phân tích như bản Vô cấu xưng số.

Văn kinh: Đến đi tự tại thân thông mẫu nhiệm.

Tán rằng: Đức thứ tư, theo kinh Hoa nghiêm, Phật tử có mười thứ thân thông du hý, đó là:

1. Hiện đời xả bỏ tuổi thọ cõi trời.
2. Hiện thọ sinh.
3. Hiện làm đồng tử.
4. Hiện làm xuất gia.
5. Ưa thích khổ hạnh.
6. Hưởng về cây Bồ-đề.

7. Hiện việc hàng ma.
8. Hiện việc ưa thích vắng lặng, thành vô thượng giác.
9. Xoay bánh xe pháp.
10. Nhập Niết-bàn.

Ý hiển bày các tướng làm lợi ích cho chúng sinh, rộng như trong hội Đại Bát-nhã tối thắng Thiên vương có giải thích.

Văn kinh: Đến được tổng trì, biện tài vô tận.

Tán rằng: Đức thứ năm, được bốn tổng trì và bốn biện tài, thấy đều vô tận, không chỉ một thắng bất đoạn tận trong bảy bất đoạn tận nên nói là vô tận, mà vì lợi tha không dứt nên đều là vô tận.

Văn kinh: Dứt các phiền não, lụy nhiễm đều không còn.

Tán rằng: Đức thứ sáu, ba thứ hoặc, nghiệp, khổ như phiền não lụy nhiễm dưới đây, hoặc trở lại não lụy là chủng hiện, nhiễm tức là thói quen đồng thời là sở tri chướng. Bởi vì phiền não đều đồng một tên gọi, đã đích thực dứt bỏ hết nên gọi là đều.

Văn kinh: Không bao lâu sẽ thành tựu Nhất-thiết-chủng-trí.

Tán rằng: Đức thứ bảy là nối tiếp Phật không dứt. Các vị Bồ-tát này vượt qua trước hai kiếp, hoặc ở địa vị pháp vân, đều bổ sung vào nhất sinh, gọi là không lâu. Bồ-đề ở tương lai, nên nói là đương sẽ thành. Đạt đến Tát-bà-nhã nói là Nhất-thiết-chủng-trí. Chủng là chủng loại, hoặc Không, hoặc Hữu, hoặc Lý, hoặc Sự gọi là Nhất-thiết-chủng. Ở đây đều thông suốt gọi là Nhất-thiết-chủng-trí, thuộc về y chủ thích. Nhất thiết chủng ở đây là cảnh thanh.

Văn kinh: Hàng phục chúng quân ma, đánh trống pháp.

Tán rằng: Đức thứ tám là hàng phục ma oán. Ma tức là bốn ma, quân là mười quân, rộng như Pháp Uyển phá ma chương có phân rõ. Ma quân thuận theo cảm hóa thắng địch trước kêu la, hiển bày thật, khai mở quyền là giống trống pháp.

Văn kinh: Chế ngự các ngoại đạo giúp cho họ khởi tâm thanh tịnh.

Tán rằng: Đức thứ chín là dẹp tan các ngoại đạo, đầy đủ bốn Vô úy, dẹp tan các ngoại đạo, giúp cho sinh khởi chánh tín gọi là khởi tịnh tâm.

Văn kinh: Chuyển diệu pháp luân, độ chúng trời, người.

Tán rằng: Đức thứ mười là tiếp nối Phật tuyên dương. Đối với các tư lương năm vị chuyển, bốn vị, hai pháp luân không lui sụt, như bản Pháp hoa số phân rõ.

Văn kinh: Cõi Phật mười phương đều đã trang nghiêm.

Tán rằng: Đức thứ mười một là trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật. Đóng kín tất cả các cửa đường ác là nghĩa của Tịnh độ, như bản Vô cấu xưng số.

Văn kinh: Hữu tình trong sáu đường đều được lợi ích.

Tán rằng: Đức thứ mười hai là lợi tha không luống dối. Tiếng Phạm gọi là Đệ-lợi-cù-ni-đa, Hán dịch là bàng sinh. Tiếng Phạm gọi là Na-lệ-đa, Hán dịch là ngạ quỷ, cũng gọi là Bế-lệ-đa. Tiếng Phạm là Mạt-nô-sa, Hán dịch là nhân.

Tên của ba đường: Trời, Tu-la, Địa ngục và nghĩa của sáu đường, như Pháp hoa sơ có nói. Khéo biết căn tánh nên ở trong năm đường hiện bày thân hình, khéo léo phương tiện gắng sức hiện thân nói pháp, người thấy nghe ai cũng được lợi ích. Vì có khả năng thành tựu bốn pháp, có thể hóa độ chúng sinh đều được lợi ích.

Kinh Tư Ích một chép: “Một là Thường cầu lợi ích, yên ổn chúng sinh, hai là Tự xả bỏ niềm vui của mình; ba là Tâm tư hài hòa nhẫn nại, bốn là dứt bỏ diệt kiêu mạn”.

Văn kinh: Thành tựu đại trí, đầy đủ bất nhẫn.

Tán rằng: Đức thứ mười ba là tự lợi đầy đủ nhẫn. Thành tựu trí tự lợi, đầy đủ ba đại nhẫn; tức là do tương ứng với bảy đại kia nên đều gọi là Đại. Hoặc là đại trí tức là trí đại tánh, hiểu rõ đầy đủ hai Không. Nhưng Du-già nhiếp dị môn phần chép: “Đại trí đó là tu hành trải qua vô lượng kiếp gọi là đại trí, tức là thời đại tánh trong bảy đại tánh”.

Do đó, biết rằng nhẫn gọi là Đại, cũng đồng với Trí. Lại giải thích: Như luận Trí Độ sáu chép: Đại nhẫn thành tựu là vì hai loại đẳng nhẫn, pháp nhẫn này thêm lớn cho nên gọi là đại nhẫn, cụ túc tức là nghĩa thành tựu.

Lại có nhiều loại, hoặc có thể, thành tựu là đạt được, nghĩa là đạt được thắng phẩm gọi là Đại nhẫn. Cho nên luận đó giải thích rằng: Hai nhẫn này thêm lớn gọi là Đại nhẫn.

Lại giải thích: Nay nói đầy đủ tức là có đủ ba nhẫn là nại oán hại nhẫn, an thọ khổ nhẫn và đế sát pháp nhẫn. Nhưng theo kinh Vô tận ý: tức là nhờ đầy đủ Đại nhẫn sẽ thành tựu Đại trí. Kinh ấy chép: Tu bốn nhẫn sau đây sẽ đầy đủ trí tuệ:

1. Lúc cầu pháp nhẫn chịu người khác mắng chửi.
2. Không ngại lạnh nóng gió mưa v.v...
3. Vâng theo lời Hòa thượng xà-lê dạy bảo.
4. Lúc cầu pháp thực hành nhẫn không, vô tướng.

Y theo đây thì nên dùng câu dưới để giải thích Đại trí ở câu trên.

Văn kinh: An trụ trong tâm đại Từ bi, có năng lực rất vững chắc.

Tán rằng: Đức thứ mười bốn là thường nhiếp hữu tình, cho nên luận như Kinh Pháp hoa nói: “Nhiếp lấy chúng sinh phương tiện là như kinh dùng từ tu thân, đã có lòng Từ thì không vui ban cho vui, Bi có khả năng khổ thì nhờ gốc khổ, cho nên thường nhiếp lấy chúng sinh”. Điều nói Đại là khác với Nhị thừa, cho nên chẳng phải là Đại bi trong đức bất cộng của Phật, đức đó chỉ có Phật thành tựu gọi là bất cộng. Vì có năng lực rất vững chắc, thường thực hành không xả bỏ gọi là vững chắc.

Kinh Tư Ích một chép: “Bồ-tát có bốn pháp, làm vững chắc tâm mình mà không mỗi mệ:

1. Đối với chúng sinh phát khởi đại bi.
2. Tinh tấn không lười nhác.
3. Tin hiểu sinh tử như mộng.
4. Suy nghĩ hợp với trí tuệ của Phật.”

Ý này do thương xót chúng sinh mà tinh tấn không lười nhác, thấy sinh tử khổ đau như mộng không thật, suy tư cầu trí Phật cho nên thực hành từ bi làm vững chắc tâm mình.

Văn kinh: Mãi mãi kính thờ các Đức Phật, không nhập Niết-bàn.

Tán rằng: Đức thứ mười lăm là hầu hạ Phật, không diệt độ. Đối với tất cả các Đức Phật thường tu tập chánh hạnh gọi là lần lượt kính thờ các Đức Phật. Vì cứu độ chúng sinh không có lúc nào ngưng nghỉ, không cầu nhập Niết-bàn. Luận Biện Trung Biên chép: “Vì lợi tha không ngưng nghỉ”.

Văn kinh: Phát tâm hoằng thệ, tận mé vị lai.

Tán rằng: Đức thứ mười bảy là trồng sâu nhiều nhân lành, tức các kinh Pháp Hoa v.v... chép: “Ở chỗ các Đức Phật gieo trồng nhiều gốc đức”. Tức là ở chỗ các Đức Phật tu mười cúng dường gọi là tịnh nhân. Sở cầu Bồ-đề, sở tu mười cúng dường, hai loại này đều là nhân, hoặc nhân của tịnh, hoặc nhân tức là tịnh.

Văn kinh: Đối với pháp ba đời, ngộ Vô sinh nhẫn.

Tán rằng: Đức thứ mười tám là hiểu các pháp là vô sinh. Chứng ngộ ba Vô sinh nhẫn, nương vào không tướng môn, giải thoát môn quán sát tánh biến kế, chứng ngộ bốn tánh Vô sinh nhẫn, nương vào vô nguyện thoát môn quán sát y tha khởi, ngộ tự nhiên Vô sinh nhẫn, nương vào Vô tướng môn, giải thoát môn quán sát viên thành thật, chứng ngộ hoặc khổ Vô sinh nhẫn.

Hỏi: Biến kế không có thể tánh, viên thành thật là thường trú, nay văn kinh này nói pháp ba đời, làm sao có thể nói quán sát ba tánh đạt

được ba loại nhãn?

Đáp: Ở trên y tha khởi quán sát hai Ngã là không có, tức là trong y tha khởi cũng có Viên thành thật, chẳng phải tức, chẳng phải lìa. Vì thế bài tụng trong Biện trung biên chép: “Luống đối phân biệt có, hai thứ này đều không, Có, Không chỉ trong này”. Đây là ý có luống đối phân biệt, ở trong đây hai Ngã đều không có, trong y tha khởi này chỉ có chân không. Cho nên ba đời chỉ nêu ra y tha khởi để hiển bày hai tánh còn lại.

Văn kinh: Vượt qua cảnh giới sở hành của Nhị thừa.

Tán rằng: Đức thứ mười chín là duyên cảnh bất cộng. Hành tướng duyên cảnh của Nhị thừa có thể đạt được, Bồ-tát không như vậy, cho nên trong luận Vô Tánh Nhiếp tám chép: “Trí vô phân biệt đối với cảnh chân như tương tự mà hành”. Ý này là chân như không có tất cả tướng, trí xứng hợp với như cũng không có hành tướng, lại hiểu rõ hai không, kia chỉ hiểu có một cho nên vượt qua Nhị thừa.

Văn kinh: Dùng đại thiện xảo giáo hóa thế gian.

Tán rằng: Đức thứ hai mươi là thiện xảo hóa sinh. Nương vào sáu thần thông và mười hai phương tiện khéo léo, ngoài sáu loại thích hợp mà giáo hóa thế gian. Hoặc nương vào Đại thừa nói về các uẩn, giới v.v... dùng các cách khéo léo để giáo hóa thế gian, phân biệt Tiểu thừa nên gọi là đại thiện xảo.

Văn kinh: Đối với giáo pháp của Đại sư thường phô bày giảng nói.

Tán rằng: Đức thứ hai mươi một là mở mang Thánh giáo. Vì có thể nương vào giải thích pháp trong phần Nhiếp thích của Du-già tám mươi một, cho nên nói đối với giáo pháp của Đại sư thường phô bày giảng nói, trú ở Thiện Huệ địa.

Văn kinh: Pháp bí mật sâu xa không tánh đều đã rõ biết không còn nghi ngờ.

Tán rằng: Đức thứ hai mươi hai là rõ pháp không còn nghi. Bí mật gồm có bốn, tức ba không tánh gọi là sâu xa. Như luận Pháp Hoa giải thích: Trí tuệ của các Đức Phật có năm sự sâu xa, tánh của trí tuệ cũng gọi là trí tuệ:

1. Nghĩa sâu xa.
2. Thể.
3. Nội chứng.
4. Y chỉ.
5. Vô thượng.

Khác với cảnh Nhị thừa cho nên gọi là sâu xa, hậu trí có công năng hiểu rõ trí căn bản, nghi ngờ về sự lý đã hết cho nên không còn mê hoặc.

Văn kinh: Tên các vị đó là Bồ-tát Vô Chướng Ngại Xoay bánh xe pháp, Bồ-tát Thường Phát Tâm Xoay bánh xe pháp, Bồ-tát Thường Tinh Tấn, Bồ-tát Bất Hưu Tức.

Tán rằng: Thứ ba là nêu ra tên họ của năm mươi ba vị, đức rộng danh cao thấy nghe được lợi ích, không thể nêu ra đầy đủ, nên lược nêu một số như vậy. Sự đặt tên ở đây, hoặc là thuận theo bốn nguyện, hoặc là thuận theo đức hạnh, tự tha ích lợi thù thắng để lập nên tên gọi đó. Đầu tiên hai vị nói pháp, sau đó hai vị tinh cần, nói pháp và tinh tu hợp nhau, đều bởi thường hàng phục hai bốn loại ma, cho nên Xoay bánh xe pháp không có gì chướng ngại, có thể nói không lui sụt cho nên có thể xoay bánh xe pháp không lui sụt, vì thế không có chướng ngại. Hoằng pháp không ngưng nghỉ, thương xót hữu tình, thường phát tâm vì chúng sinh mà chuyển pháp, có thể được lạc thuyết không lui sụt. Do được lạc thuyết biện tài không đuoối lý, thường phát tâm chuyển tự lợi luôn luôn tinh cần, cho nên gọi là Thường Tinh Tấn, lợi tha thường sách tấn nên gọi là Bất hưu tức, hoặc tha lợi, tự lợi hợp nhau.

Văn kinh: Bồ-tát Từ Thị, Bồ-tát Diệu Cát Tường, Bồ-tát Quán Tự Tại.

Tán rằng: Từ thị, tiếng Phạm là Mai-đát-lệ-duệ, Hán dịch là Từ thị, hoặc dịch là Na, tức sinh trong họ Từ, hoặc bốn tánh hành từ, hoặc gọi là Duệ-ni, tức là trong giọng nữ, bởi vì mẹ mang lòng Từ. Mạn-thù-thất-lợi, Hán dịch là Diệu cát tường. A-phước-lực-chỉ-đế-ôn-đại-la-da, Hán dịch là Quán tự tại. Ba vị đầu tiên này tức là ban vui cứu khổ, Cát tường ban vui, Quán âm cứu khổ, ban vui, cứu khổ hợp nhau.

Văn kinh: Bồ-tát Tổng Trì Tự Tại Vương, Bồ-tát Đại Biện Trang Nghiêm Vương.

Tán rằng: Ở Địa thứ chín xa lìa được hai thứ ngu, đầy đủ bốn biện tài, cho nên Tổng trì tự tại; đầy đủ bảy biện tài, thường thực hành Đại thừa gọi là Đại biện trang nghiêm. Trì pháp và nói pháp hợp nhau.

Văn kinh: Bồ-tát Diệu Cao Sơn Vương, Bồ-tát Đại Hải Thân Vương.

Tán rằng: Trí tuệ khó mong cầu như núi Chúa diệu cao, định đó không thể lường giống như biển lớn, trí, định tự tại đều giống như vương. Trí cao và định sâu hợp nhau.

Văn kinh: Bồ-tát Bảo Tràng, Bồ-tát Đại Bảo Tràng, Bồ-tát Địa

Tạng, Bồ-tát Hư Không Tạng.

Tán rằng: Hiểu rõ hữu cao xa quý giá như cờ báu, hiểu rõ không cao xa quý giá gọi là Đại bảo tràng, hiểu hữu, hiểu không hợp nhau. Đại bi gánh vác biên địa là Tạng, thường dùng hư không để làm Bảo tạng; đại bi và đại trí hợp nhau.

Văn kinh: Bồ-tát Bảo Thủ Tự Tại, Bồ-tát Kim cương Thủ, Bồ-tát Hoan Hỷ Lực, Bồ-tát Đại Pháp Lực.

Tán rằng: Ở đây có hai hợp nhau. Tay sản sinh ra châu báu thường pháp trừ nghèo khổ, tay trí tuệ có công năng phá diệt hai chướng tự tha, gọi là Kim cương thủ. Cứu nghèo và phá chướng hợp nhau. Vui mừng thích ý thường thực hành khó khuất phục gọi là Hoan hỷ lực, thực hành pháp Đại thừa, thường hàng phục các chướng vô minh khác, hoặc tự nương theo pháp dứt trừ các chướng nên gọi là Đại pháp lực. Khó khuất phục và hàng phục người khác hợp nhau.

Văn kinh: Bồ-tát Đại Trang Nghiêm Quang, Bồ-tát Đại Kim Quang Trang Nghiêm.

Tán rằng: Dùng ánh sáng Đại trí của định để tự trang nghiêm gọi là Đại trang nghiêm quang, đem kinh Kim quang minh tối thắng vương để lợi ích cho mọi người gọi là Đại kim quang trang nghiêm, phân biệt lợi mình, lợi người nên gọi là Đại. Tự trang nghiêm và trang nghiêm người khác hợp nhau.

Văn kinh: Bồ-tát Tịnh Giới, Bồ-tát Thường Định, Bồ-tát Cực Thanh Tịnh Tuệ.

Tán rằng: Ba thứ nhân ba học này đều được hoàn thiện, y theo chân thật cùng tu, y theo bốn nguyện mà nói. Đại phước và đại trí hợp nhau. Giới phước và tuệ trí, hai thứ định, thông, hoặc từ nơi trí, có công năng phát sinh trí.

Văn kinh: định, thông Kiên Cố Tinh Tấn, Bồ-tát Tâm Như Hư Không, Bồ-tát Bất Đoạn Đại Nguyện.

Tán rằng: Do ba điều rèn luyện răn nhắc, không lui sụt gọi là kiên cố tinh tấn; tâm đó không ngăn ngại như hư không, bốn không nguyện rộng bỏ gọi là bất đoạn đại nguyện. Không lui sụt và thường tu hợp nhau, như hư không có cả hai.

Văn kinh: Bồ-tát Thí Dược, Bồ-tát Liệu Chư Phiền Não Bệnh, Bồ-tát Y Vương.

Tán rằng: Cho thuốc là chữa trị thân bệnh, chữa trị phiền não là dứt trừ tâm bệnh, thầy thuốc chữa khỏi tất cả. Chữa trị bệnh thân và chữa trị bệnh tâm hợp nhau.

Văn kinh: Bô-tát Hoan Hỷ Cao Vương, Bô-tát Đắc Thượng Thu Ký.

Tán rằng: Nếu thấy chúng sinh mỉm cười, trước nói khiến cho sinh vui mừng, nên được tự tại gọi là Cao vương; ở nơi địa vị quán đảnh được thọ ký trước. Tha tiến và tự tiến hợp nhau.

Văn kinh: Bô-tát Đại Vân Tịnh Quang, Bô-tát Đại Vân Trì Pháp, Bô-tát Đại Vân Danh Xưng Hỷ Lạc, Bô-tát Đại Vân Hiện Vô Biên Xưng.

Tán rằng: Mây đại pháp trí chứa mưa các đức gọi là Đại vân, còn lại đều y theo đây. Trí có công năng trừ sạch dơ bẩn, tối tăm gọi là Tịnh quang, tham các công đức gọi là Trì pháp. Trừ ám và trì pháp hợp nhau. Tiếng tốt, khắp nơi nghe danh đều ưa thích, lạc âm ngữ hiểu phẩm danh, trùm khắp mười phương gọi là hiện vô biên xưng, vui của người và nghe xa hợp nhau.

Văn kinh: Bô-tát Đại Vân Sư Tử Hống, Bô-tát Đại Vân Ngưu Vương Hống, Bô-tát Đại Vân Cát Tường, Bô-tát Đại Vân Bảo Đức.

Tán rằng: Việc làm quyết định gọi là Đại sư tử hống, thường dẹp tan kẻ thù gọi là đại vân ngưu vương hống. Trên đây hai thứ năng tác và năng hàng hợp nhau. Có công năng sinh ra phước lợi to lớn gọi là Cát tường; thiện pháp tự trang nghiêm gọi là Bảo đức, người được lợi ích, mình được lợi ích hợp nhau.

Văn kinh: Bô-tát Đại Vân Nhật Tạng, Bô-tát Đại Vân Nguyệt Tạng, Bô-tát Đại Vân Tinh Quang, Bô-tát Đại Vân Hỏa Quang.

Tán rằng: Phá trừ tối tăm bất thiện giống như mặt trời, thường giúp cho yên vui giống như mặt trăng. Phá ác và chứng chân hợp nhau. Các thứ ánh sáng soi chiếu như các vì sao, tùy theo tình hình thành tựu như ánh lửa. Năng chiếu và năng thành hợp nhau.

Văn kinh: Bô-tát Đại Vân Điện Quang, Bô-tát Đại Vân Lô Âm.

Tán rằng: Trong đêm dài sinh tử thường làm ánh sáng chiếu soi, hiện bày chánh đạo gọi là Điện quang. Nói pháp kinh động sắc bén giống như tiếng sấm. Thị đạo và kinh ngộ hợp nhau.

Văn kinh: Bô-tát Đại Vân Tuệ Vũ Sung Biển, Bô-tát Đại Vân Thanh Tịnh Vũ Vương.

Tán rằng: Pháp có công năng sinh ra trí gọi là Tuệ vũ, pháp có công năng dứt trừ tai chướng gọi là thanh tịnh vũ. Có uy lực cho nên giống như mưa, thấm đều lợi ích cho nên đầy khắp. Sinh thiện và diệt ác hợp nhau.

Văn kinh: Bô-tát Đại Vân Hoa Thọ Vương, Bô-tát Đại Vân Thanh

Liên Hoa Hương, Bồ-tát Đại Vân Bảo Chiên-đàn Hương Thanh Lương Thân.

Tán rằng: Nhân hạnh đã đầy đủ, sắp được quả Giác, gọi là Thọ hoa vương. Thường giảng nói lý mâu mở mắt cho chúng sinh, công đức vang xa khắp nơi gọi là Thanh liên hoa hương. Được pháp thân thanh tịnh, đầy đủ năm phần hương gọi là Bảo Chiên-đàn hương. Thân thanh lương ở Pháp vân địa đạt được pháp thân trọn vẹn các công đức. Thành nhân và hiện quả hợp nhau. Hai vị đầu là nhân, dùng hoa đạt được quả. Một vị sau là quả, gọi là Lương thân.

Văn kinh: Bồ-tát Đại Vân Trừ Ám, Bồ-tát Đại Vân Pháp Ế.

Tán rằng: Thường xua tan ngu si tăm tối gọi là Trừ ám, thường phá trừ hai chấp gọi là Pháp Ế. Pháp ámvà trừ chấp hợp nhau.

Văn kinh: Vô lượng các vị Đại Bồ-tát như thế.

Tán rằng: Tổng kết.

Văn kinh: Đều lúc xế chiều xuất định, đi đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật nhiều quanh bên phải ba vòng rồi lùi lại ngồi về một phía.

Tán rằng: Đoạn văn đến chỗ Phật có bốn phần, như trước giải thích.

Văn kinh: Lại có năm ức tám ngàn vị đồng tử Lê-xa-tỳ.

Tán rằng: Đoạn văn thứ ba chia ra làm bốn phần. Phần nêu bày loại số này, xưa nói: Lý-xa hoặc nói Ly-cô-tỳ, nay nói Lợi-xa-tỳ phẩm Vô Cấu Xứng trong kinh Duy-ma nói là năm trăm vị trưởng giả, không nói vương chủng, hoặc Vương chủng này cũng gọi trưởng giả, như trưởng giả Kỳ-vực.

Văn kinh: Tên của họ là Đồng tử Sư Tử Quang, Đồng tử Sư Tử Tuệ, Đồng tử Pháp thụ.

Tán rằng: Thứ hai là nêu ra tên gọi, có hai mục: Đầu nêu ra, sau kết thúc. Có quyết định trí quang, có quyết định tuệ, có khả năng trao chánh pháp cho các hữu tình. Như dưới đây phối hợp cả ba.

Văn kinh: Đồng tử Nhân-đà-la Thụ, Đồng tử Đại Quang, Đồng tử Đại Mãnh, Đồng tử Phật Hộ, Đồng tử Pháp Hộ, Đồng tử Tăng Hộ.

Tán rằng: Xin Thiên đế, Thiên đế trao cho gọi là Nhân-đà-la thụ, thường dùng lửa trí phá tan tăm tối của tự và tha gọi là Hỏa quang. Mạnh mẽ nhất quyết tu đạo gọi là đại mãnh, nghĩ đến Phật Pháp Tăng gọi là Phật hộ v.v...

Văn kinh: Đồng tử Kim cương Hộ, Đồng tử Hư Không Hộ, Đồng tử Hư Không Hống, Đồng tử Bảo Tạng, Đồng tử Cát Tường Diệu Tạng.

Tán rằng: Giải thích theo đúng như tên gọi.

Văn kinh: Các vị như thế là bậc Thượng thủ.

Tán rằng: Kết thúc.

Văn kinh: Thấy đều an trú Vô thượng Bồ-đề, đối với Đại thừa tin sâu hoan hỷ.

Tán rằng: Khen ngợi công đức, đến địa vị không lui sụt nói là an trú Bồ-đề, lại làm thành lũy hộ pháp, trụ trì chánh pháp gọi là an trú Bồ-đề, chứng được niềm tin không hoại diệt, phát sinh vui mừng sâu sa.

Văn kinh: Đều vào lúc xế chiều đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiều quanh bên phải ba vòng rồi lui lại ngồi về một phía.

Tán rằng: Đến chỗ Phật.

Văn kinh: Lại có bốn mươi hai ngàn vị Thiên tử, tên của họ là Thiên tử Hỷ Kiến, Thiên tử Hỷ Duyệt, Thiên tử Nhật Quang, Thiên tử Nguyệt Kế, Thiên tử Cát Tường. Các Thiên tử này đều là bậc Thượng thủ, đều phát thệ nguyện rộng lớn che chở Đại thừa, tiếp nối hưng long chánh pháp, làm cho không dứt mất. Đều vào lúc xế chiều đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiều quanh bên phải ba vòng rồi lui lại ngồi về một phía.

Tán rằng: Tiếp theo nêu ra các vị trời cũng có bốn phần, như trước. Phần nhiều là ở cõi trời Tam thập tam và cõi trời Tứ vương, đem gần nêu ra trước, thế tục đặt tên không thể giải thích đầy đủ được. Trong phần khen ngợi công đức có chia ra hai phần:

1. Phát bốn thệ nguyện rộng lớn.
2. Bảo vệ Đại thừa.

Bảo vệ Đại thừa tức là giữ gìn chánh pháp, giữ gìn chánh pháp có khả năng gánh vác bốn trọng trách. Như kinh Thắng-man chép: “Cho nên thường tiếp nối hưng long chánh pháp”. Chánh pháp có ba, đó là chánh chứng, chánh hạnh, và chánh giáo, tự mình có khả năng giúp cho người khác nương vào chánh giáo phát khởi chánh hạnh, chứng đạt chánh quả.

Luận Di-lặc Vấn có năm pháp, nhiếp lấy pháp mẫu:

1. Báo ân Phật.
2. Tự thân khiến cho pháp mẫu tồn tại lâu dài.
3. Cúng dường các Đức Phật.
4. Muốn làm lợi ích cho chúng sinh.
5. Diệt pháp khó đạt được.

Theo kinh Bảo Vũ quyển mười thì thành tựu mười pháp sau đây

có công năng nhiếp lấy chánh pháp:

1. Vào thời mật pháp không ai có khả năng thọ trì, người có khả năng thọ trì đại Tố-đát lăm được cung kính cúng dường.
2. Nói pháp cho người nghe.
3. Thấy ai có khả năng tu học thì sinh tâm vui mừng.
4. Lắng nghe chánh pháp không có tâm mong cầu.
5. Đối với Pháp sư nghĩ là người dẫn đường.
6. Đối với chánh pháp nghĩ là cam lồ.
7. Đối với chánh pháp khởi tưởng như vị thuốc.
8. Đối với chánh pháp khởi ý tưởng là vị thuốc tốt.
9. Chỉ cầu chánh pháp, không màng đến thân mạng.
10. Mong cầu chánh pháp khởi ý tưởng tu hành.

Văn kinh: Lại có hai mươi tám ngàn vị Long vương: long vương Liên Hoa, long vương, Ế-la-diệp-năng, long vương Đại Lực, long vương Đại Hống, long vương Tiểu-ba, long vương Trì Sử Thủy, long vương Kim Diệp, long vương Như Ý, các long vương ấy đều là bậc thượng thủ, đối với pháp Đại thừa thường ưa thích thọ trì, phát tâm tin tưởng sâu sắc, xưng dương ủng hộ, đều vào lúc xế chiều đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiều quanh bên phải ba vòng rồi lùi lại ngồi về một phía.

Tán rằng: Văn cũng có bốn phần, như trước. Liên hoa đây là nương vào hoa ở trong hồ; Ế-la, Hán dịch là Thọ (cây), Bát-noa, Hán dịch là Diệp (lá), nương vào lá cây này mà trú; hoặc ăn lá cây này tức là long vương Thiện Trụ, cho đến Như ý dựa vào châu mà gọi tên. Khen ngợi công đức có ba thứ:

1. Thọ trì chánh pháp.
2. Khởi tâm tin tưởng sâu xa.
3. Khen ngợi sự giữ gìn.

Văn kinh: Lại có ba mươi sáu ngàn các chúng Dược-xoa, Thiên vương Tỳ-sa-môn, là bậc Thượng thủ, tên của họ là Dược-xoa Am-bà, Dược-xoa Trì-am-bà, Dược-xoa Liên Hoa Quang Tạng, Dược-xoa Liên Hoa Diệu, Dược-xoa Tần-mi, Dược-xoa Hiện Đại Bố, Dược-xoa Động Địa, Dược-xoa Thôn Thực, các Dược-xoa này thấy đều ưa thích chánh pháp của Như lai, tâm sâu xa bảo vệ giữ gìn không sinh mệt mỏi lười nhác, đều vào lúc xế chiều đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiều quanh bên phải ba vòng rồi lùi lại ngồi về một phía.

Tán rằng: Nêu ra chúng Dược-xoa, văn cũng chia làm bốn phần. Dược-xoa, Hán dịch là Dũng kiện, cũng dịch là Tiệp tật, cũng thuộc về

các La-sát-bà Địa hành. La-sát-bà, Hán dịch là Bạo ác. Khen ngợi công đức có ba thứ:

1. Yêu thích chánh pháp.
2. Có khả năng che chở.
3. Không hề mệt.

Văn kinh: Lại có bốn mươi chín ngàn vị Yết-lộ-trà vương, Hương Tượng Thế Lực vương làm Thượng thủ.

Tán rằng: chúng Điều vương, Hán dịch là Diệu sí. Dưới đây thuật theo bản dịch cũ cũng gọi là Kim sí; chim và voi khác chủng loại, tức là Hương tượng vương.

Văn kinh: Và còn Kiện-thát-bà, A-tu-la, Khẩn-na-la, Mạc-hồ-lạc-già v.v... tất cả thần tiên núi rừng sông biển cùng tất cả các đại vua chúa, hậu phi trong cung, tịnh tín nam nữ đại chúng trời, người thấy đều tề tựu.

Tán rằng: Nêu chung các chúng còn lại.

Văn kinh: Điều nguyện ủng hộ pháp Đại thừa vô thượng, đọc tụng thọ trì, viết chép truyền bá khắp nơi.

Tán rằng: Khen ngợi công đức có bốn loại:

1. Phát nguyện ủng hộ.
2. Tự mình trì tụng.
3. Viết chép.
4. Truyền bá khắp nơi.

Văn kinh: Điều vào vào lúc xế chiều đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu quanh bên phải ba vòng rồi lùi lại ngồi về một phía.

Tán rằng: Đến chỗ Phật.

Văn kinh: Các Thanh văn, Bồ-tát, đại chúng trời người, tám bộ rồng thần như thế đã nhóm họp đều dốc lòng chấp tay cung kính chiêm ngưỡng tôn dung Đức Phật, mắt không hề rời khỏi.

Tán rằng: Tổng kết có hai phần: Trước kết thúc, tiếp theo là nghi quỹ. Cầu pháp chuyên tâm chân thành cho nên dốc lòng. Bày tỏ sâu xa những gì đã nói cho nên chấp tay. Tôn sùng kính mến gọi là cung, rất cung gọi là kính. Nhìn thấy tướng nghiêm trang biểu hiện mong cầu thành tựu Phật quả, cho nên chiêm ngưỡng tôn dung, không còn ánh mắt nào khác một nên nói không tạm rời bỏ.

Văn kinh: Nguyện ưa thích muốn nghe pháp mầu cao siêu.

Tán rằng: Nói về Nhân thành tựu. Vì đại chúng muốn nghe, Phật mới có thể nói.

Văn kinh: Lúc bấy giờ, Đức Thế tôn vào lúc xế chiều ngài xuất định, quán sát đại chúng.

Tán rằng: Tựa phát khởi có hai phần. Đây là phần đầu Thời thành tựu và nói pháp dựa vào Oai nghi thành tựu, tức là xét cơ nghi. Có chỗ gọi là Thuyết nghi tròn đầy, vì bao gồm đầy đủ ý nghĩa.

Văn kinh: Nên nói tụng rằng: Pháp mầu Kim quang minh, vua các kinh tối thắng, sâu xa khó nghe được, cảnh giới của các Phật, nay nay nói kinh này, cho đại chúng được nghe.

Tán rằng: Đây là nêu thuyết thành tựu, có hai mươi bốn bài tụng đại khái chia làm ba: Đầu một bài rưỡi nêu chung về sự thâm diệu, hứa giảng nói cho đại chúng nghe.

Kế hai mươi bài rưỡi là nêu riêng về sở thuyết, khen ngợi tốt đẹp dạy bảo tu tập. Sau cùng có hai bài tổng kết lợi ích thù thắng, khen ngợi người khuyến khích tu học, đây chính là mở đầu. Tụng, xưa gọi là kệ, tiếng Phạm là Già-tha, lầm lẫn nên gọi là kệ, nghĩa là khen ngợi sự tốt đẹp, tức ở đây là phúng tụng. Trước chưa có văn Văn xuôi thì làm tụng.

Hỏi: Phúng tụng và ứng tụng khác nhau thế nào?

Đáp: Tụng trong ứng tụng là giáo, tụng trong phúng tụng là lời nói.

Hỏi rằng: Vì sao phúng tụng là ngôn, Ứng tụng là giáo?

Đáp: Trong Du-già tám mươi mốt chép: Ứng tụng là nói văn xuôi, sau tuyên lại Già-đà. Ý nói Già-đà này trực tiếp giải thích các nghĩa. Về phúng tụng, luận chép: Nghĩa là dùng câu mà nói. Ý nói dùng câu để nói những điều nói kia. Trong một bài rưỡi thì hai câu đầu nêu ra giáo năng thuyết, hai câu tiếp nêu ra nghĩa sở thuyết, hai câu sau hứa sẽ nói cho nghe. Vì có khả năng giải thích và nhân quả mầu của Bồ-đề, Niết-bàn kia nên gọi là tối thắng, là đứng đầu các kinh. Trong sở thuyết y cứ theo Đại thừa trang nghiêm kinh luận chép: “Cầu pháp có bốn nhân duyên: Một vì Sắc, hai vì Phi sắc, ba vì Thần thông, bốn vì Chánh pháp. Vì Sắc là nhân tướng tốt, vì Phi sắc là nhân để dứt bệnh phiền não, vì Thần thông là nhân của tự tại, vì Chánh pháp là nhân của vô tận”.

Như kinh Phạm Thiên Vương Vấn chép: “Bồ-tát cầu pháp đầy đủ bốn ý tưởng: Một là như báu mầu, nghĩa là tướng khó được, hai là như thuốc hay, là nghĩ này hết bệnh, ba là như tài vật, nghĩa là tướng không phân tán, bốn là như Niết-bàn, nghĩa là tướng khổ diệt”. Vì pháp là nhân của tướng tốt trang nghiêm cho nên tướng như báu mầu. Vì pháp

là nhân để dứt bệnh phiền não cho nên tưởng như thuốc hay, vì pháp là nhân của thần thông tự tại cho nên nghĩ là tài vật. Vì pháp là nhân của chánh pháp vô tận cho nên nghĩ là Niết-bàn. Nay kinh này sâu xa khó được nghe, nêu ra ba nhân đầu, đều khó đạt được, cảnh giới của các Đức Phật, là nêu ra nhân thứ tư. Bởi vì đại Niết-bàn chỉ có Phật và Phật mới có khả năng rốt ráo tận cùng, là chỗ Phật đã đạt đến nên nói là cảnh giới Phật. Đây là nêu sở thuyết ở dưới. Nhân, quả thế gian và xuất thế gian đều hoàn toàn như vậy, đó là ý chỉ chung của kinh này.

Văn kinh: Đồng thời bốn Đức Phật ở bốn phương, uy thần cùng che chở, phương Đông Phật A-súc, phương Nam Phật Bảo Tướng, phương Tây Phật Vô Lượng Thọ, phương Bắc Phật Thiên Cổ Âm.

Tán rằng: Hai mươi bài rưỡi ở dưới nêu riêng về sở thuyết. Trong đó chia làm bốn:

1. Ba bài rưỡi đều nêu ra tuổi thọ, xuống hết phẩm Mãn nguyện là phần Chánh tông của kinh, chính là pháp được nói rõ, gồm hai nhân hai quả.

2. Sau “Chúng sinh thân bất cụ” trở xuống có sáu bài tụng, nêu phần Chánh tông khuyến khích tu học.

3. Sau “Hộ thế tứ vương chúng” trở xuống có năm bài tụng, nêu ra sự tu hành thích hợp trong phẩm Quán sát trở xuống cho đến phần Phú chúc lưu thông.

4. Sau “Nếu có người nghe kinh này” trở xuống có sáu bài tụng, nêu ra sự khen ngợi khuyến khích trì đọc trong các phẩm.

1. Trong ba bài rưỡi đều lại chia làm bảy: Một là một bài rưỡi nêu ra phẩm Thọ lượng. Hai là một câu “Ta lại giảng nói diệu pháp”, nêu ra phẩm Tam thân. Ba là hai câu “Cát tường rất cao quý trong các sám v.v...” nêu ra phẩm Sám hối. Bốn là Hai câu “Trừ sạch các nghiệp ác v.v...” nêu ra phẩm Diệt Nghiệp Chương. Năm là câu “Thường đem đến vô lượng điều vui” nêu ra phẩm Tịnh Địa, phẩm Liên Hoa Dụ Tán, phẩm Kim Thắng Đà-la-ni. Sáu là Câu “căn bản của Nhất-thiết-trí” nêu ra phẩm Trùng hiển không tánh. Bảy là Câu “Các công đức trang nghiêm” nêu ra phẩm Y không mãn nguyện.

Đây chính là mở đầu. Đức Thích-ca và bốn Đức Phật đồng nói kinh này cho nên gọi là cùng bốn Đức Phật ở bốn phương. Nhân duyên của bốn Đức Phật như kinh Quán Phật Tam-muội hải quyển bảy chép: “Bốn Đức Phật như Phật A-súc v.v... nói: Ta nhớ thuở xưa đã từng xuất gia học đạo với Đức Phật Không Sinh, lúc bốn Tỳ-kheo cùng là bạn đồng học. Sau khi Đức Phật Niết-bàn nhập tháp quán tượng, thấy tướng

giữa hai đầu chân mày như Đức Phật không khác, nguyện dứt trừ tội lỗi của mình, như núi lớn sụp đổ, năm vóc cúi rạp sát đất sám hối mọi tội lỗi. Nhờ nhân duyên này mà tám mươi ức A-tăng-kỳ kiếp về sau không đọa vào đường ác, thường gặp các Đức Phật, ở chỗ các Đức Phật thọ trì Tam-muội niệm Phật sâu xa, đạt được Tam-muội rồi các Đức Phật hiện tiền thọ ký riêng cho Ta.

Phương Đông có cõi nước tên là Diệu hỷ, Đức Phật đó hiệu là A-súc, tức là vị Tỳ-kheo thứ nhất.

Phương Nam có cõi nước tên là Hoan hỷ, Đức Phật đó hiệu là Bảo Tướng, tức là vị Tỳ-kheo thứ hai.

Phương Tây có cõi nước tên là Cực lạc, Đức Phật đó hiệu là Vô Lượng Thọ, tức là vị Tỳ-kheo thứ ba.

Phương Bắc có cõi nước tên là Liên hoa trang nghiêm, Đức Phật đó hiệu là Vô Diệu Âm, tức là vị Tỳ-kheo thứ tư”.

Hỏi: Vì sao bốn Đức Phật cùng nói kinh này?

Đáp: Vì làm sáng tỏ bốn đức và Phật Thích ca, tức là nói lên quả Phật quả vốn có năm pháp, đó là bốn trí chân như vậy, thấu nhiếp cùng tận Bồ-đề, Niết-bàn.

Văn kinh: Ta lại nói diệu pháp, cát tường cao quý trong các hối, thường diệt tất cả tội, trừ sạch các nghiệp ác.

Tán rằng: Thứ hai, ba, bốn. Lại giảng nói pháp mầu nêu ra ba thân Vô thượng Bồ-đề, cho nên gọi là pháp mầu. Cát tường cao quý trong các sám, nương vào nguyện ba thân mà thực hành sám hối, thù thắng trong các pháp sám hối. Thường diệt trừ tất cả tội lỗi, đó là quả khổ và ba phiền não của ba đời, ba nghiệp, ba cõi, vì có khả năng chiết phục dứt trừ, phần sau kinh nói: “Trống Kim quang minh phát ra âm thanh rất hay, vang khắp tam thiên đại thiên thế giới, thường diệt trừ tội lỗi cực nặng trong ba đường cho đến các khổ đau ách nạn của trời, người”. Nói trừ sạch các nghiệp ác nêu ra phẩm Diệt nghiệp chương ở dưới. Nghiệp và nhân của nghiệp đều gọi là nghiệp ác, vì thế trong luận Duy thức chép: “Quyển thuộc của nghiệp cũng đặt ra tên gọi là nghiệp; hoặc nhân ác phát khởi nghiệp cảm, nghiệp của ác quả cũng gọi là nghiệp ác. Bởi vì có thể là ác cho nên ba cõi đều như vậy; hoặc không có chủng tánh, chỉ trừ nghiệp trong ba đường tám nạn”.

Văn kinh: Và tiêu trừ các khổ nạn, thường cho vô lượng vui, cội gốc Nhất thiết trí, các công đức trang nghiêm.

Tán rằng: Câu đầu là nêu ra phẩm Diệt nghiệp chương. Câu trước các nghiệp ác là nhân, đây là chiêu cảm quả ác chung cho quả ba cõi.

Nếu y cứ theo vô tánh chỉ có ba đường tám nạn và một ít phần trong tám khổ, không lia xa khổ sinh, già, chết và khổ năm uẩn hừng hực. Thường cho vô lượng vui- nêu ra ba phẩm Tịnh địa, Liên hoa tán, Kim thắng ở dưới, tu hạnh sáu Độ đạt được mười quả vương và Phật vị, vô tánh lạc, nhân thiên lạc, hữu tánh và Phật vị v.v... cội gốc của Nhất thiết trí nêu ra phẩm Trùng hiển không tánh, vì lý chân như là tánh chân không, gọi là Như lai tạng. Cùng các công đức là nương theo để thọ trì. Luận Bảo tánh giải thích: Vô tử thời giới, giới (cõi) là nhân của pháp, tức là dùng chân như làm nhân của các pháp, nhân là gốc cho nên là gốc trí. Dùng Nhất thiết trí chứng chân như cho nên chỉ nói cội gốc của Nhất thiết trí. Dựa vào thực tế hiểu rõ tục đế từ đó chứng Chân-đế, cũng là gốc của Nhất-thiết-chứng-trí. Y theo chứng trí nói sơ lược về chứng trí đó, hoặc Nhất thiết trí không phải là Nhất thiết trí trong hai trí. Đây là nói chung về tất cả các trí, tức là mười trí, bốn trí v.v... gọi là Nhất thiết trí. Như thế đều là gốc cho nên nói cội gốc của Nhất thiết trí. Các công đức trang nghiêm nêu ra phẩm Y không mãn nguyện, do dựa theo chân lý để khởi tu, đã chứng đức bốn, cho nên có thể trọn vẹn đầy đủ tất cả công đức chân thật trang nghiêm. Như kinh Bát-nhã chép: Cõi trang nghiêm thân trang nghiêm đều khiến cho quán xét lý mới bắt đầu được trọn vẹn, kinh này cũng giống như thế.

Văn kinh: Chúng sinh Thân không đủ, tuổi thọ sắp hoại diệt, các tướng ác hiện bày, trời thần đều lia bỏ.

Tán rằng: Ở dưới nêu ra sự khuyến khích tu học trong phần Chánh Tông, trong đó chia làm hai: Ba bài rưỡi đầu nêu ra các khổ nạn, khiến cho nảy sinh chán ngán lia bỏ; hai bài rưỡi sau đó nói kinh có công năng dứt trừ khiến cho vui mừng tu học. Phần đầu lại chia làm hai: Hai bài đầu nói về quả ác, một bài rưỡi sau đó nói về nhân khổ. Trong hai bài đầu lại chia ra làm hai: Một bài trước nói về khổ trong thân, một bài sau nói về khổ duyên bên ngoài. Đây chính là nội thân. Thân không đầy đủ thiếu sót các căn, tức là thuộc về khổ sinh, hoặc thuộc về khổ bệnh. Tuổi thọ sắp hoại diệt, nghiệp hết, duyên không còn, hoặc oan uổng ngang trái mà bỏ mạng, tức là khổ chết. Các tướng ác hiện ra như chim kêu những việc quái lạ, hoa trên đều héo úa, bốn đại rối loạn, sắc tướng suy hao thay đổi, tức là khổ lão bệnh. Như các khổ sinh, chết, già, bệnh dưới đây. Tuổi thọ chưa hết là vì tu phước nghiệp, các thần hộ vệ các nghiệp hết. Nếu hiện tiền không thể tu điều lành thì thiện thân lia bỏ.

Văn kinh: Bận thân giận ghét, quyến thuộc đều chia lia, kia đây chống trái nhau, tài sản đều mất mát.

Tán rằng: Khổ duyên bên ngoài, bạn thân có tâm giận ghét là khổ oán ghét mà gặp nhau quyến thuộc đều xa lìa là khổ thương yêu mà chia lìa, kia đây chống trái nhau, kia đây chống trái nhau, tài sản đều mất mát là khổ cầu mong không được.

Văn kinh: Sao xấu hiện điềm lạ, hoặc bị tà độc hại, lại lắm khổ lo buồn, các khổ đều ép ngặt.

Tán rằng: Nói về nhân khổ, một bài đầu là nhân khổ bên ngoài, nửa hàng sau là nhân khổ bên trong.

Văn kinh: Nằm ngủ thấy ác mộng, do đó sinh phiền não.

Tán rằng: Đây là khổ nhân bên trong.

Văn kinh: Người này nên tắm gội, nên mặc áo sạch mới, đối với kinh vương vi diệu mà Đức Phật hết lòng khen ngợi này, chú tâm không tán loạn, đọc tụng, nghe và thọ trì.

Tán rằng: Dưới đây nói về năng lực của kinh có thể trừ dẹp, khiến cho vui mừng tu học, có ba. Nửa hàng đầu là oai nghi tu học, một bài tiếp theo là hạnh chánh tu, một bài sau là tóm kết công lực của kinh. Hai câu đầu trong hạnh chánh tu nói về pháp tu học, hai câu sau nói về hạnh chánh tu. Đối với việc đọc và tụng, hoặc nghe và thọ trì đều phải chuyên chú tâm ý không để tán loạn, tức là đọc tụng v.v... phát sinh văn tuệ, thọ trì phát sinh tu tuệ, theo đó hiển bày tư tuệ. Hoặc tâm chuyên chú không tán loạn, phát sinh suy nghĩ, còn lại là văn tu, đầy đủ ba tuệ. Đồng thời tắm gội, mặc y sạch là giới học, chuyên chú là định học, đọc tụng v.v... là tuệ học, khiến cho nương vào kinh này mà tu ba học đó.

Văn kinh: Do uy lực kinh này, mà lìa các tai họa, và dứt các nạn khổ, tất cả đều dứt trừ.

Tán rằng: Tóm kết về năng lực công đức.

Văn kinh: Bốn vị vua trời che chở thế gian và đại thần quyền thuộc, vô lượng các Dược-xoa, đều một lòng ủng hộ. Tán rằng: Dưới đây nêu ra phần Lưu thông có năm bài. Nêu các pháp tu hành thích hợp, ở đây nêu ra phẩm Quán Sát Nhân Thiên, phẩm Tứ Thiên Vương Hộ Quốc, phẩm Vô Đám nhiễm, phẩm Như Ý.

Văn kinh: Thiên nữ Đại biện Tài, thủy thần sông Ni Liên, mẫu thần Ha-lợi-đề, các địa thần Kiên Lao.

Tán rằng: Một bài này nêu ra phẩm Đại biện Tài Thiên nữ, phẩm Cát Tường Thiên nữ, phẩm Thêm lớn Tài Vật, phẩm Kiên Lao Địa Thần. Ha-lợi-đề, Hán dịch là Thanh Sắc, là mẹ của quỷ La-xoa, có năm trăm người con, hết lòng ủng hộ Tam bảo và trẻ nhỏ trai gái.

Văn kinh: Phạm vương Đế-thích chủ, Long vương Khẩn-na-la, chim đầu đàn cánh vàng, A-tô-la Thiên chúng, các vị Thiên thần ấy, cùng đem quyến thuộc mình đến giúp đỡ người này, ngày đêm thường không lìa.

Tán rằng: Nêu ra phẩm Tăng Thận-nhĩ-da Được-xoa Đại Tướng, phẩm Vương Pháp Chánh Luận, phẩm Thiện Sinh Vương, phẩm Chư Thiên Được-xoa Thủ Hộ. Lại giải thích: Chánh biết rõ có nêu trong thần mẹ Ha-lợi-đề, hoặc phẩm Thiện Sinh Vương trong Vương Pháp Chánh Luận đều được nêu trong bài tụng của kinh này mà ta sẽ nói, bởi vì cùng là Phật nói cho nên nêu lên một chỗ.

Văn kinh: Ta sẽ nói kinh này, chỗ Phật hành sâu xa, giáo nghĩa bí mật của các Đức Phật, ngàn muôn kiếp khó gặp.

Tán rằng: nêu ra phẩm Thọ Ký trở xuống, hành xứ của Phật sâu xa, nêu Phẩm Thọ Ký, phẩm Liệu bệnh, phẩm Trưởng Giả Tử Lưu Thủy, phẩm Xả Thân, Vô thượng Bồ-đề chỉ có Phật mới hiểu rõ, nên gọi là chỗ thực hành của Phật. Các phẩm như phẩm Liệu Bệnh v.v... là nhân hạnh của Phật. Hai câu “giáo bí mật của các Đức Phật...” nêu ra các phẩm ở dưới, các Đức Phật che chở muốn căn cơ Đại thừa thành thực nên mới ban cho gọi là Bí, thâm diệu khó hiểu gọi là Mật. Do vậy ngàn muôn đời kiếp khó được nghe đến, cho nên nay được nghe đọc, ngợi khen đồng thời phước.

Văn kinh: Nếu người nghe kinh này, thường giảng nói cho người, nếu tâm sinh vui theo, hoặc bày lễ cúng dường.

Tán rằng: Sáu bài dưới là đoạn thứ tư nêu ra sự khuyến khích ngợi khen trì tụng trong các phẩm của phần Lưu thông, trong đó chia làm ba: Một bài đầu nêu lên sự khuyến khích trì đọc, ba hàng tiếp theo nói về lợi ích đạt được, hai bài sau dạy về thứ lớp tu trì. Đây là mở đầu. Luận Biện Trung Biên có tụng về mười pháp hành, đó là: cúng dường, viết chép, giúp người, lắng nghe, mở đọc, thọ trì, mở bày giảng nói, phúng tụng, suy nghĩ và tu. Một là cúng dường, hai là viết chép, ba là giúp người, bốn là lắng nghe, năm là mở đọc, sáu là thọ trì, bảy là giảng nói, tám là phúng tụng, chín là suy nghĩ, mười là tu tập. Tám việc đầu là văn tuệ, suy nghĩ là tư tuệ, tu tập là tu tuệ. “Nghe kinh này” ở đây là lắng nghe, “giảng nói” tức là mở bày giảng nói, “cúng dường” tức là hạnh đầu tiên, sơ lược nêu ra ba hạnh: Lắng nghe và cúng dường là tự lợi, giảng nói nói là lợi tha, cho nên nêu ba hạnh, thực tế có mười hạnh. Vui theo đó là đối với mười pháp hành đều có bốn loại:

1. Tự mình thực hiện mười pháp hành.

2. Dạy bảo người.
3. Vui mừng khuyến khích.
4. Vui theo.

Ở đây nêu lên các thứ dễ để làm sáng tỏ những thứ còn lại.

Văn kinh: Những người như vậy, trong vô lượng kiếp, sẽ thường được các trời người, rồng thần cung kính.

Tán rằng: Thứ hai là nói về lợi ích đạt được có ba: Thứ nhất là được hộ vệ, đây là thứ nhất.

Văn kinh: Nhóm phước này vô lượng, số hơn hẳn hàng sa, người đọc tụng kinh này, sẽ được công đức ấy.

Tán rằng: Thứ hai là thành tựu nhân tốt đẹp.

Văn kinh: Cũng được Phật mười phương, các Bồ-tát hạnh sâu, ủng hộ người trì kinh, khiến lìa các khổ nạn.

Tán rằng: Thứ ba là các Thánh che chở.

Văn kinh: Người cúng dường kinh này, như trước tắm gội thân, thức ăn và hương hoa, ý thường khởi từ bi, hoặc muốn nghe kinh này, khiến tâm tịnh không bồn, thường sinh niệm hoan hỷ, nuôi lớn các công đức.

Tán rằng: Dạy thọ trì kinh quý, chia làm hai: Một bài đầu là dạy lợi tha, một bài sau là tự lợi.

Văn kinh: Nếu với tâm tôn trọng, người lắng nghe kinh này, hoặc sinh làm thân người, xa lìa các khổ nạn, gốc lành người ấy thành, các Phật đều khen ngợi, mới được nghe kinh này, cho đến pháp sám hối.

Tán rằng: Tổng kết khuyến khích có hai: Một bài đầu kết thúc khuyến khích đạt được quả tốt đẹp, một bài sau kết thúc khuyến khích thành tựu nhân tốt. Đạt được quả có hai: Một là quả hữu lậu sinh trong loài người, xa lìa các khổ nạn chẳng những chỉ xa lìa các nạn mà còn xa lìa tám nạn, nếu nói đến quả cao siêu sợ rằng người sơ cơ không thể nào tin được.

